

**BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3756/BCA-QLHC

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

V/v đề nghị thẩm định dự thảo Nghị  
định sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Nghị định số 144/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an được giao chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Công an đã tiến hành sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 144/2021/NĐ-CP; tổ chức lấy ý kiến tham gia của Công an các đơn vị, địa phương, các Bộ, cơ quan ngang Bộ; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan, tổ chức và Nhân dân, Bộ Công an đã tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định. Để việc xây dựng Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Công an trân trọng đề nghị Quý Bộ thẩm định dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP nêu trên.

Xin gửi kèm theo Hồ sơ xây dựng Nghị định gồm:

- Tờ trình Chính phủ;
- Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình;



- Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình;

- Báo cáo kết quả 02 năm triển khai thực hiện Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình;

- Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến xây dựng Nghị định;

- Bản chụp ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ./. *mm*

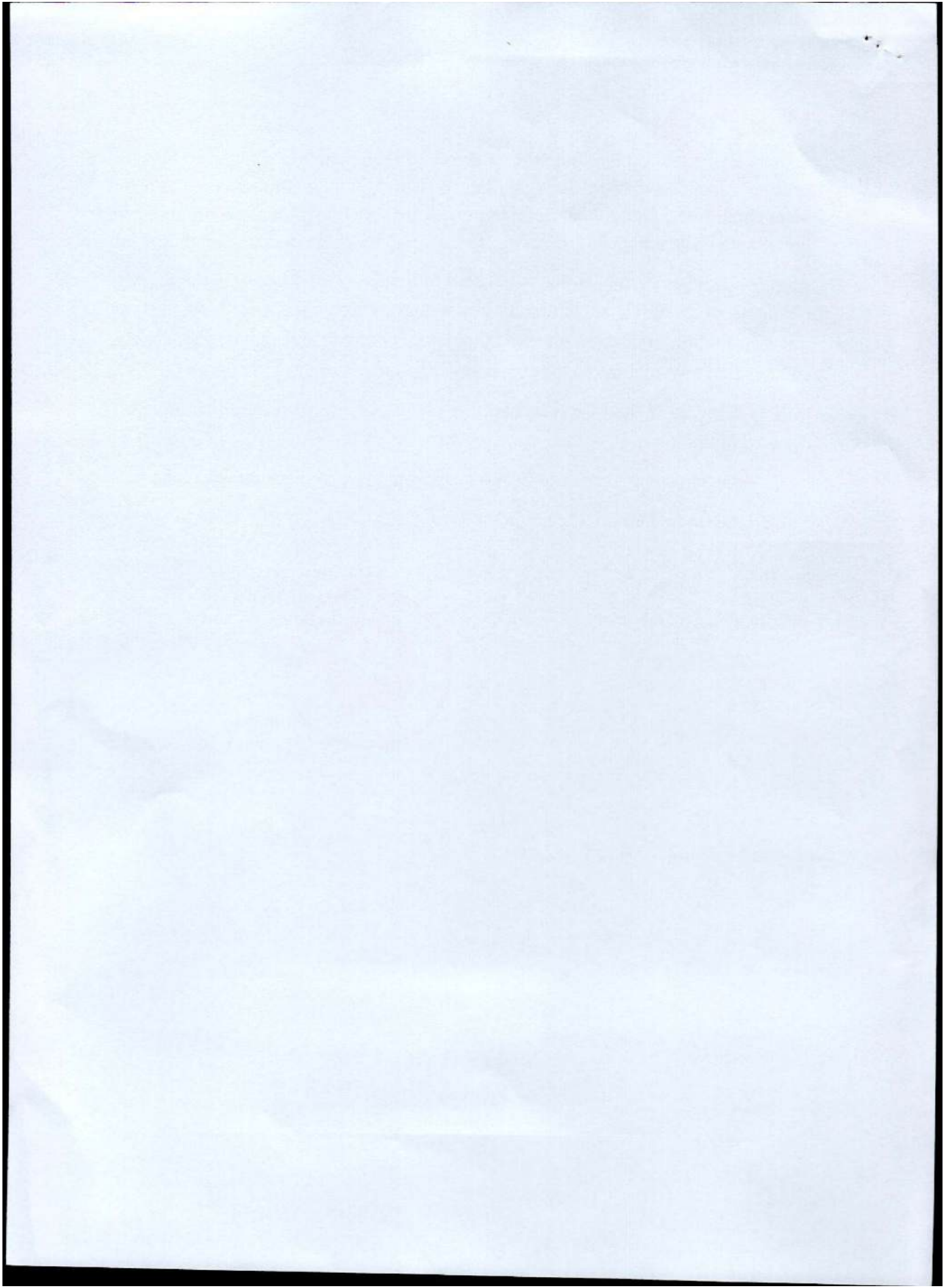
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLHC (TM).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trung tướng Nguyễn Văn Long**





**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**Dự thảo 3**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Cảnh vệ ngày 20 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ ngày 28 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;*





*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống mại dâm ngày 17 tháng 3 năm 2003;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

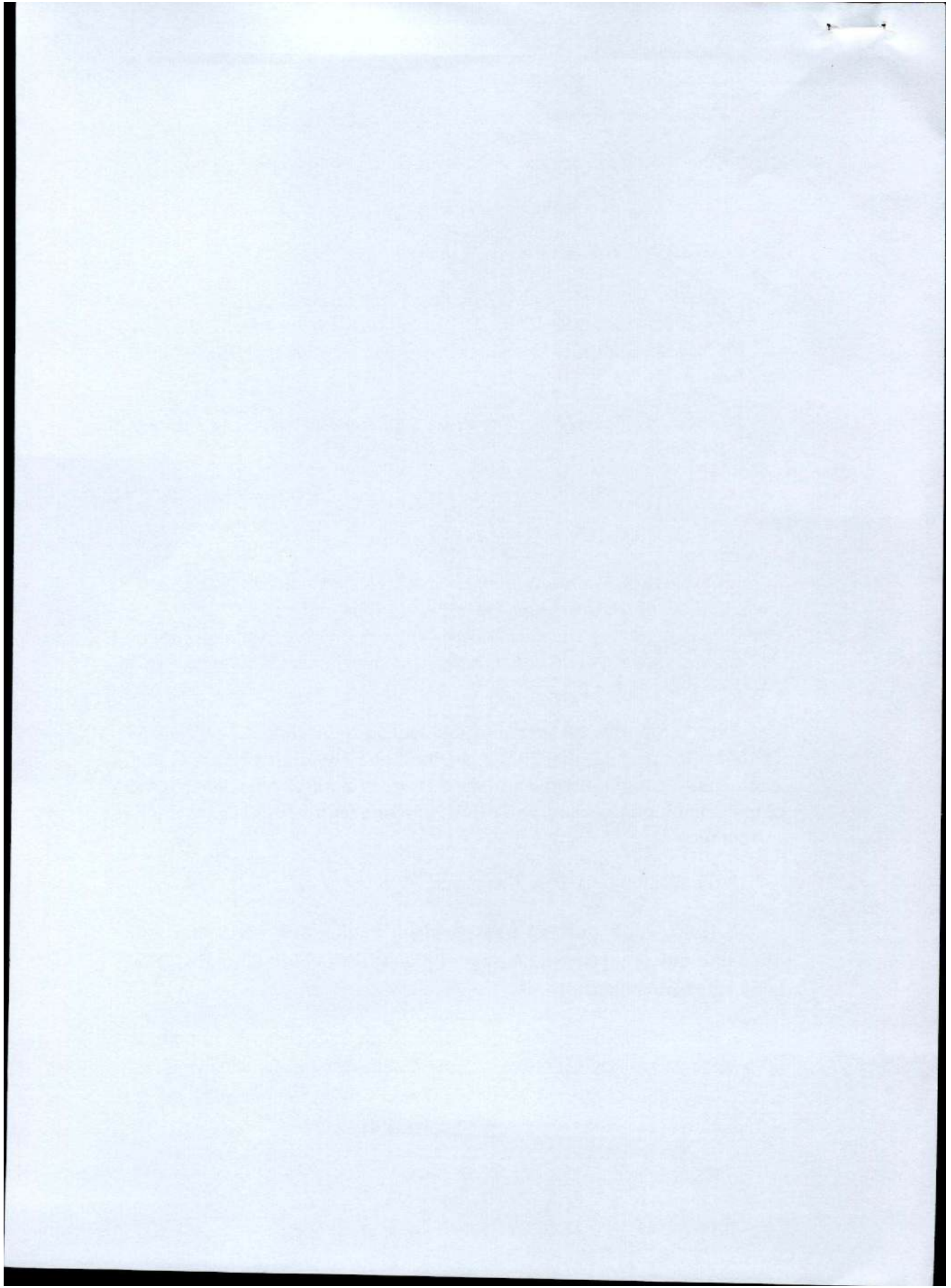
**“Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả, nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm hành chính nhiều lần**

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Phạt cảnh cáo;









b) Phạt tiền;

c) Trục xuất (không áp dụng hình thức xử phạt trục xuất đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước, người không có quốc tịch).

2. Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính).

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, e và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc trả lại tài sản do chiếm giữ trái phép hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tài sản có được do chiếm giữ trái phép đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật cho chủ sở hữu hợp pháp;

b) Buộc nộp lại giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, công cụ hỗ trợ và pháo; giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; giấy chứng nhận thẩm duyệt, văn bản thẩm duyệt, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; chứng chỉ hành nghề, giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy; giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung (sau đây gọi chung là giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động);

c) Buộc nộp lại thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định





danh cá nhân; giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

- d) Buộc nộp lại con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu;
- đ) Buộc hủy bỏ văn bản, giấy tờ đóng dấu sai quy định;
- e) Buộc thu hồi, nộp lại tư liệu, tài liệu, tờ rơi, bài viết, hình ảnh dùng để vi phạm hành chính;
- g) Buộc thu hồi, nộp lại tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;
- h) Buộc gỡ bỏ tài liệu bí mật nhà nước;
- i) Buộc bảo quản, bố trí, sắp xếp hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định hoặc buộc giảm số lượng, khối lượng, chủng loại hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định hoặc buộc di chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đến kho, địa điểm theo quy định;
- k) Buộc thực hiện biện pháp thông gió theo quy định;
- l) Buộc lắp đặt, duy trì hoạt động của thiết bị, hệ thống chống tĩnh điện theo quy định;
- m) Buộc lắp đặt và trang bị các thiết bị phát hiện, xử lý rò rỉ chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ;
- n) Buộc lắp đặt hệ thống điện phục vụ yêu cầu phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- o) Buộc lắp đặt hệ thống chống sét bảo đảm quy định hoặc buộc khắc phục những sai sót, hư hỏng của hệ thống chống sét;
- p) Buộc thực hiện các giải pháp ngăn cháy lan bảo đảm quy định của pháp luật; buộc thực hiện các giải pháp thoát nạn bảo đảm quy định của pháp luật.
- q) Buộc cập nhật cơ sở dữ liệu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định;
- r) Buộc duy trì chế độ hoạt động thường xuyên của thiết bị truyền tin báo sự cố;
- s) Buộc thu hồi phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy hoặc buộc thu hồi biên bản kiểm định;





t) Buộc xin lỗi công khai;

u) Buộc thực hiện nghĩa vụ đóng góp, nuôi dưỡng;

v) Buộc chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

x) Buộc thực hiện việc thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; buộc thi công đúng theo thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt của cơ quan có thẩm quyền hoặc thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với phần công trình xây dựng không đúng với giấy chứng nhận thẩm duyệt hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

y) Buộc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã khi người cai nghiện ma túy tự ý chấm dứt hoặc hoàn thành việc sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy; buộc thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ cai nghiện ma túy; buộc ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy.

4. Thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a khoản này phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đó.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm hành chính nhiều lần trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ các trường hợp sau: thực hiện từng hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 11; các điểm e và i khoản 2, các điểm p, q và t khoản 3, các điểm d và đ khoản 4, điểm g khoản 5 Điều 12;





Điều 24; Điều 25; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 28 Nghị định này, được phát hiện ở cùng một thời điểm nhưng chưa bị xử lý và chưa hết thời hiệu xử lý thì xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính đó.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;”;

b) Bổ sung các điểm g, h và i vào sau điểm e khoản 3 như sau:

“g) Tổ chức đảng, tổ chức tôn giáo;

h) Ban quản trị, ban quản lý, chủ đầu tư dự án, công trình;

i) Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và c khoản 3 như sau:

“a) Có hành vi khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm, lăng mạ, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 và Điều 54 Nghị định này;

b) Tổ chức, thuê, giúp sức, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cố ý báo thông tin giả, không đúng sự thật đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, c, d và g khoản 4 như sau:

“a) Tổ chức, thuê, giúp sức, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác hoặc trực tiếp thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này;

b) Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật hoặc phương tiện giao thông các loại công cụ, phương tiện sử dụng trong lao động, sản xuất, sinh hoạt có



khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

c) Lợi dụng quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, tôn giáo để tổ chức, thuê, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 11a Điều này;

d) Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

g) Vào mục tiêu, vọng gác bảo vệ mục tiêu trái phép, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 11a Điều này”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 52 Nghị định này;”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Thực hiện hoạt động bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ khi chưa có phép bay do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác để quan hệ tình dục trái ý muốn với người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 55.”;

đ) Bổ sung khoản 11a vào sau khoản 11 như sau:

“11a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng mức tiền phạt quy định tại khoản 4 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại các điểm c và g khoản 4 Điều này.”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 13 như sau:

“a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, c, d, đ và g khoản 2; điểm đ và k khoản 3; các điểm a, b, e và i khoản 4; các điểm a và c khoản 5; các khoản 6 và 10 Điều này;”;

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:



**“Điều 9. Vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú, gia hạn tạm trú, xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú, tách hộ hoặc điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú;

b) Không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng;

c) Không xuất trình xác nhận thông tin về cư trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tẩy xóa, sửa chữa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung xác nhận thông tin về cư trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú;

b) Mua, bán, thuê, cho thuê xác nhận thông tin về cư trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật;

c) Mượn, cho mượn hoặc sử dụng xác nhận thông tin về cư trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật;

d) Đã cư trú tại chỗ ở hợp pháp mới, đủ điều kiện đăng ký cư trú nhưng không làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật;

đ) Kinh doanh lưu trú, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở lưu trú ở khu công nghiệp và các cơ sở khác có chức năng lưu trú không thực hiện thông báo việc lưu trú từ 01 đến 03 người lưu trú;

e) Tổ chức kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, môi giới, cưỡng bức người khác vi phạm pháp luật về cư trú;

g) Cầm cố, nhận cầm cố giấy tờ, tài liệu về cư trú;

h) Hủy hoại giấy tờ, tài liệu về cư trú.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cho người khác đăng ký cư trú vào chỗ ở của mình để vụ lợi;





b) Kinh doanh lưu trú, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở lưu trú ở khu công nghiệp và các cơ sở khác có chức năng lưu trú không thực hiện thông báo việc lưu trú từ 04 đến 08 người lưu trú;

c) Cản trở công dân thực hiện quyền tự do cư trú;

d) Đưa, môi giới, nhận hối lộ trong việc đăng ký, quản lý cư trú.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu sai sự thật về cư trú để được đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú, xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú, gia hạn tạm trú, khai báo tạm vắng, cấp giấy tờ khác liên quan đến cư trú hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật khác;

b) Làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu, dữ liệu giả về cư trú để được đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú, xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú, gia hạn tạm trú, khai báo tạm vắng, cấp giấy tờ khác liên quan đến cư trú hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Làm giả, sử dụng xác nhận thông tin về cư trú giả để thực hiện hành vi trái pháp luật khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Kinh doanh lưu trú, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở lưu trú ở khu công nghiệp và các cơ sở khác có chức năng lưu trú không thực hiện thông báo việc lưu trú từ 09 người lưu trú trở lên;

đ) Cản trở, không chấp hành việc kiểm tra thường trú, kiểm tra tạm trú, kiểm tra lưu trú, kiểm tra việc tạm vắng, kiểm tra việc cư trú tại nơi ở đã khai báo thông tin theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và h khoản 2; các điểm a, b và c khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm b và g khoản 2; điểm a khoản 3 Điều này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:



**“Điều 10. Vi phạm quy định về cấp, quản lý, sử dụng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không xuất trình thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước và cấp căn cước điện tử;

c) Không nộp lại thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước cho cơ quan thi hành lệnh tạm giữ, tạm giam, cơ quan thi hành án phạt tù, cơ quan thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ quan quản lý căn cước trong trường hợp phải cấp đổi, hủy và xác lập lại số định danh cá nhân.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chiếm đoạt, sử dụng trái phép thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại của người khác;

b) Tẩy xóa, sửa chữa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung của thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

c) Hủy hoại, cố ý làm hư hỏng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

d) Không nộp lại thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước cho cơ quan có thẩm quyền khi được thôi, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; không nộp lại giấy chứng nhận căn cước khi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được nhập quốc tịch Việt Nam hoặc xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc xác định có quốc tịch nước ngoài.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu, dữ liệu giả để được cấp thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định





đanh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm giả thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sử dụng thẻ căn cước công dân giả, thẻ căn cước giả, căn cước điện tử giả, giấy chứng nhận căn cước giả, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân giả, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại giả nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Thẻ chấp, cầm cố, nhận cầm cố thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước;

d) Mua, bán, thuê, cho thuê thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước;

đ) Mượn, cho mượn thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật;

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2; khoản 3; các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều này.

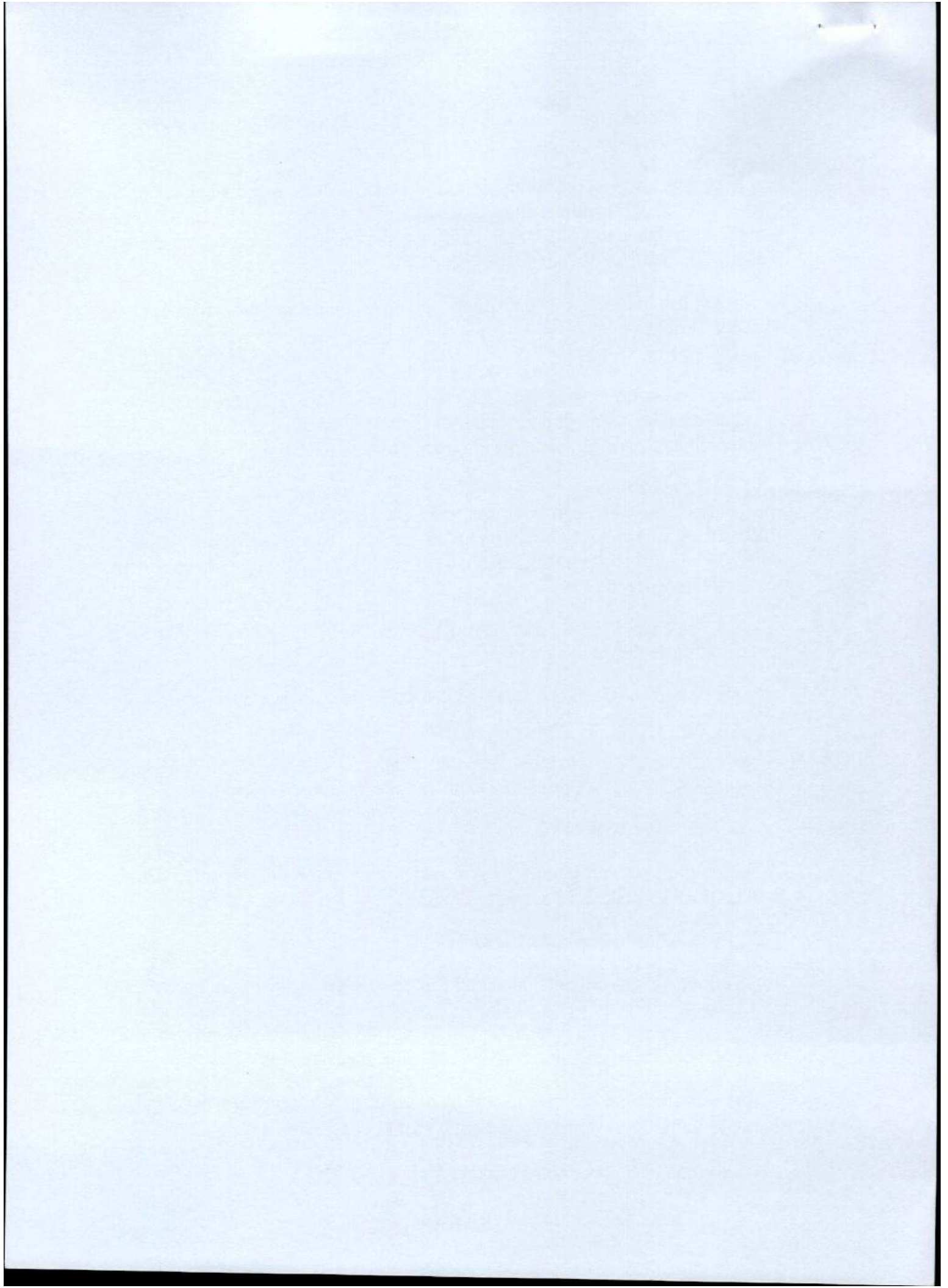
6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2; điểm đ khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:







**“Điều 11. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không kịp thời, đầy đủ quy định về kiểm tra định kỳ các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị;

b) Không kê khai, đăng ký đầy đủ vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị, sử dụng với cơ quan có thẩm quyền;

c) Bảo quản các loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không đúng quy định;

d) Không thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Mất giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Không xuất trình hoặc không giao nộp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

c) Lưu hành các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không còn giá trị sử dụng;

d) Giao vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng không đúng đối tượng hoặc không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

đ) Phân công người không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

e) Không bố trí kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

g) Mang vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không mang theo giấy chứng nhận, giấy phép sử dụng;

h) Mua, bán, trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, tìm kiếm, thu gom trái phép hoặc cầm cố, nhận cầm cố, chiếm đoạt phế liệu, phế phẩm, linh kiện vũ khí, vật liệu quân dụng, công cụ hỗ trợ;



i) Chế tạo, sản xuất, mua, bán, trang bị, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyên, sửa chữa vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ có giấy phép nhưng không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Huy hoại, cố ý làm hư hỏng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được giao;

b) Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

c) Che giấu, không tố giác hoặc giúp người khác chế tạo, sản xuất, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyên, sửa chữa, hoán cải, sử dụng trái phép hoặc huy hoại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Vận chuyên hoặc tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không bảo đảm an toàn hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường;

đ) Không thử nghiệm, kiểm định, đánh giá và đăng ký theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa trước khi được phép sản xuất, mua, bán, thuê, cho thuê, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ tại Việt Nam;

e) Cố ý cung cấp thông tin sai lệch về quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; không báo cáo, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin báo cáo về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

g) Mất vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ được trang bị nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

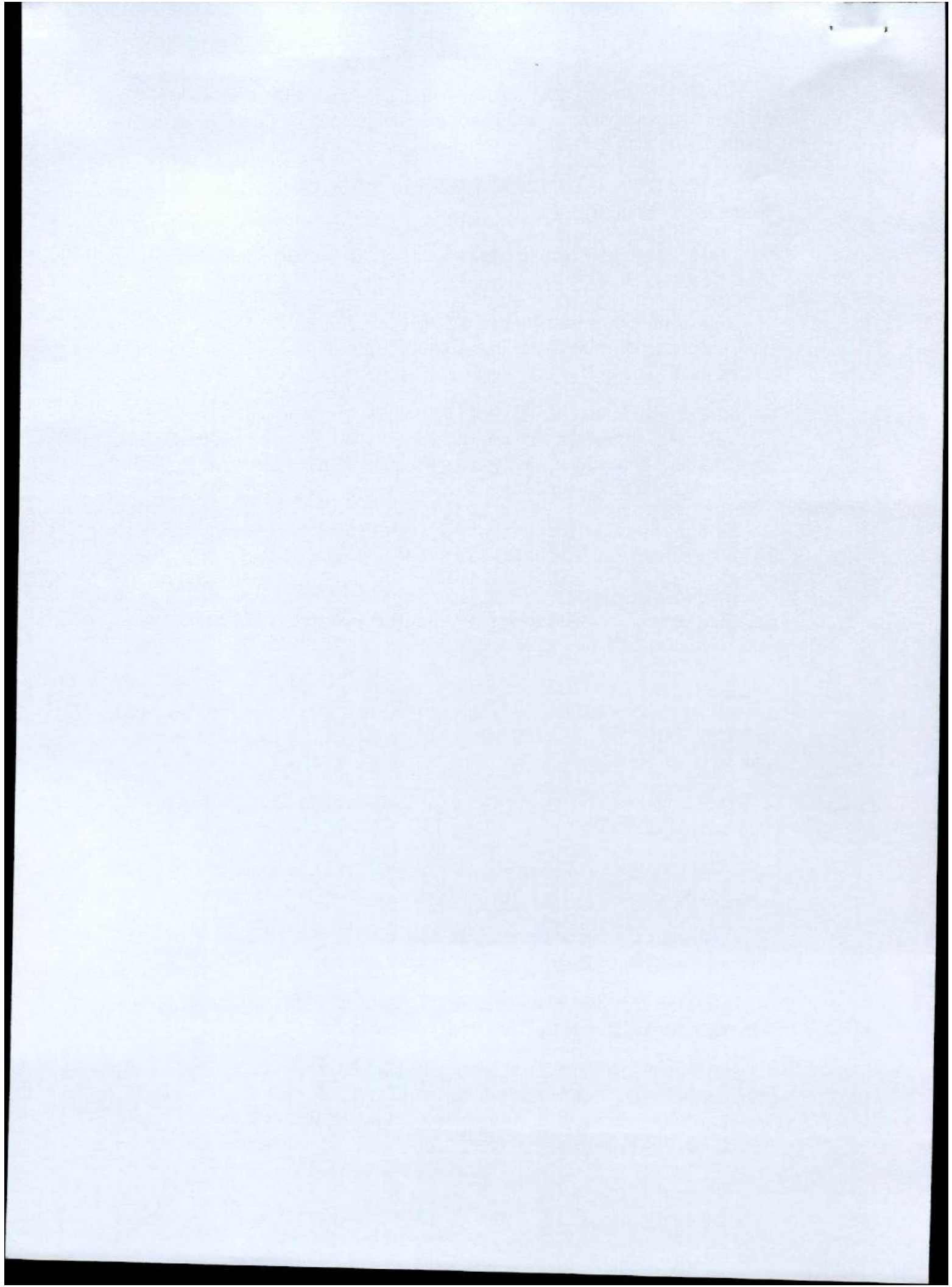
h) Vận chuyên vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được trang bị hoặc kinh doanh nhưng không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

i) Không chấp hành việc kiểm tra hoặc cản trở việc kiểm tra vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

k) Không giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

l) Bán tiền chất thuốc nổ cho bên mua khi bên mua chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ hoặc chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;







4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tìm kiếm, thu gom trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; mua, cất, đợc hoặc thực hiện các thao tác khác để tháo vũ khí quân dụng trái phép;

b) Mất vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao được trang bị nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện trái phép cách thức chế tạo, sản xuất, sửa chữa, lắp ráp, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ hoặc quảng cáo trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ dưới mọi hình thức;

d) Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái quy định mặc dù có Giấy phép sử dụng mà chưa gây hậu quả;

đ) Trao đổi, tặng, cho, tiếp nhận, viện trợ, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ hoặc cầm cố, nhận cầm cố vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

e) Làm giả, sửa chữa, tẩy xoá các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chế tạo, sản xuất, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, hoán cải, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ;

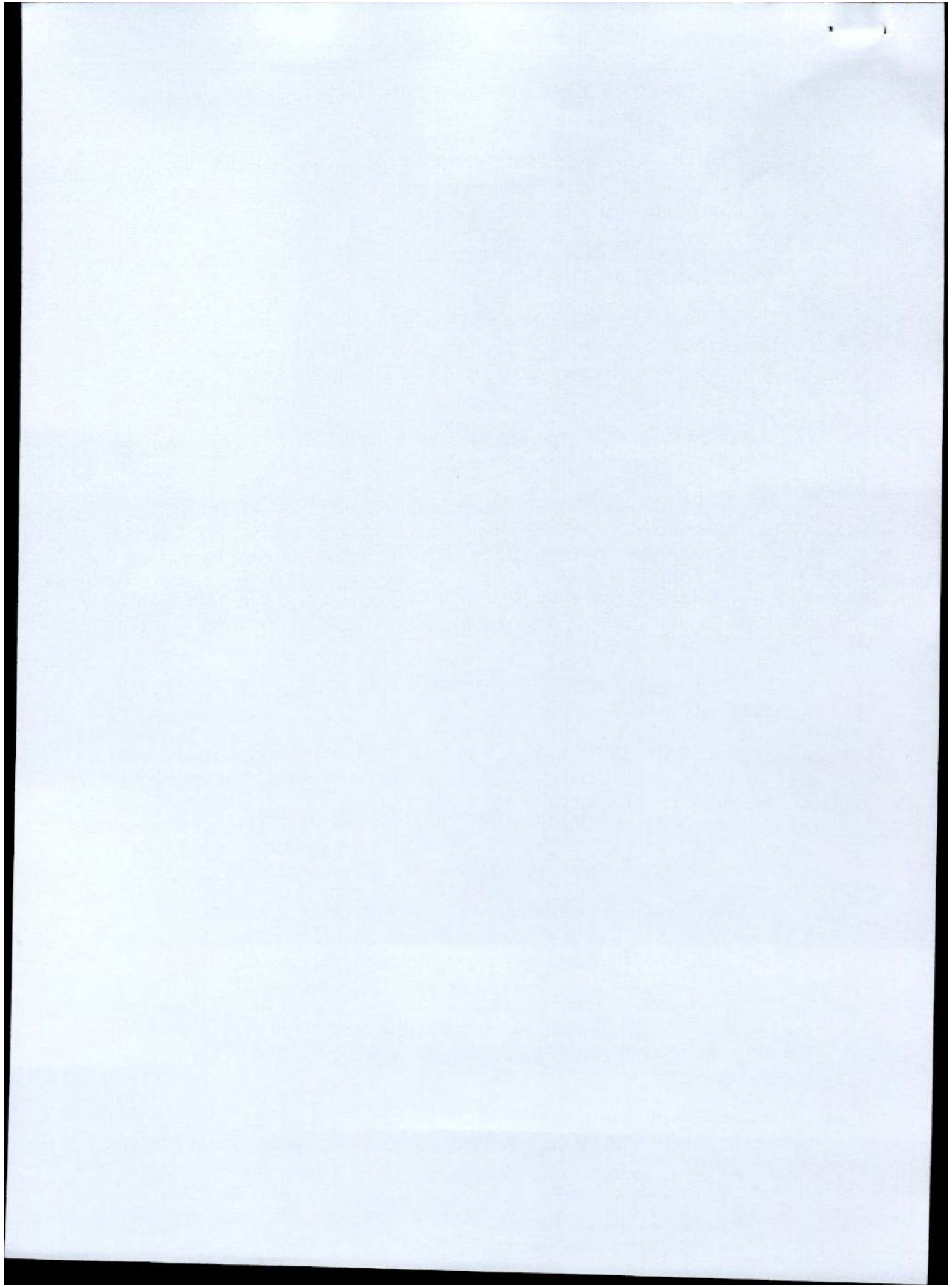
b) Chế tạo, sản xuất, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, hoán cải, sử dụng hoặc chiếm đoạt súng săn;

c) Chế tạo, sản xuất, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, hoán cải, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Vận chuyển, mang trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ vào, ra lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc mang vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ, mục tiêu bảo vệ và nơi công cộng;

đ) Lợi dụng, lạm dụng việc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội,







tính mạng, sức khỏe con người, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống vi phạm pháp luật liên quan đến vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để những nhiều, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp hoặc cản trở hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ chưa được quy định tại Nghị định này được xử lý, xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

#### 7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm b và g khoản 2; các điểm b, đ, k và l khoản 3; các điểm a, c, d, đ và e khoản 4; các điểm a, b, c, d và đ khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, công cụ hỗ trợ từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm i khoản 2; điểm d khoản 3; điểm d khoản 4; các điểm d, đ và e khoản 5.

#### 8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm g và h khoản 2; các điểm b, đ và m khoản 3; các điểm a, c, đ và e khoản 4; các điểm a, b, c, d và đ khoản 5 Điều này;

c) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, công cụ hỗ trợ đối với hành vi quy định tại điểm h khoản 2; các điểm a, g và m khoản 3; các điểm b, đ và e khoản 4 Điều này.”

#### 7. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11 như sau:

##### **“Điều 11a. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng pháo**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả công tác quản lý, sử dụng pháo theo quy định;







b) Sử dụng pháo hoa không đúng quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi giao pháo hoa, thuốc pháo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi sau đây:

a) Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép về pháo;

b) Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, quản lý, bảo quản pháo, thuốc pháo; không báo cáo hoặc báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về pháo, thuốc pháo;

c) Vận chuyển, bảo quản, tiêu huỷ pháo trong trường hợp pháp luật có quy định nhưng không đảm bảo an toàn hoặc làm ảnh hưởng tới môi trường;

d) Không thử nghiệm, kiểm định, đánh giá và đăng ký các loại pháo theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa trước khi được phép sản xuất, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với các hành vi sau đây:

a) Hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện trái phép cách thức chế tạo, sản xuất, sử dụng pháo;

b) Lợi dụng, lạm dụng việc sử dụng pháo để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

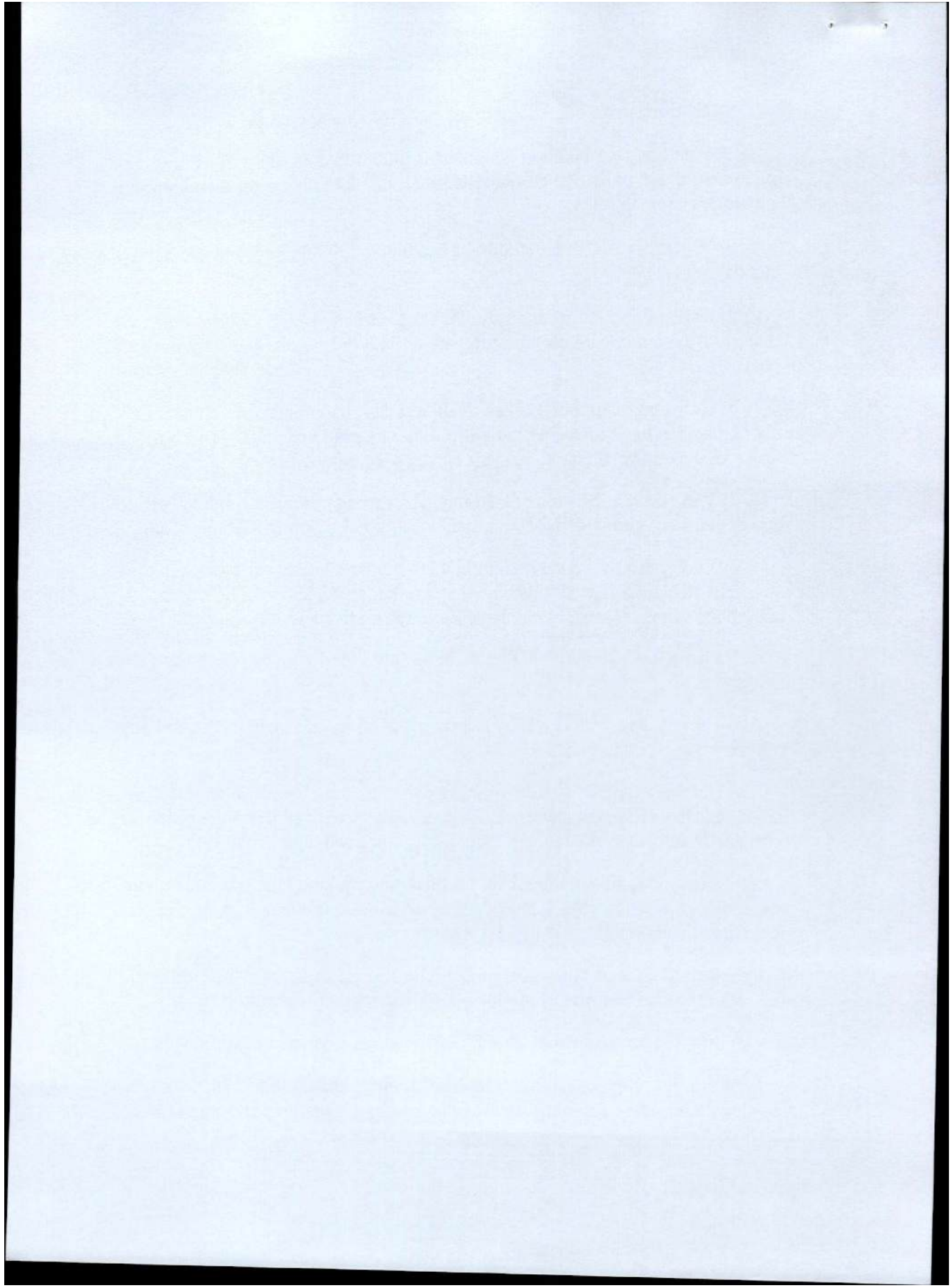
c) Mang pháo hoa, thuốc pháo trái phép vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ;

d) Trao đổi, cho, tặng, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố pháo hoa nổ hoặc thuốc pháo để sản xuất pháo trái phép;

đ) Sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt pháo nổ, pháo hoa nổ, thuốc pháo.

5. Hành vi chế tạo, sản xuất, mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu, tàng trữ, vận chuyển trái phép pháo hoa, thuốc pháo hoa bị xử phạt vi phạm hành chính như sau:







a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với số lượng dưới 05kg pháo hoa hoặc dưới 0,5kg thuốc pháo hoa;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với số lượng từ 05kg đến dưới 10kg pháo hoa hoặc từ 0,5kg đến dưới 01kg thuốc pháo hoa;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với số lượng từ 10kg đến dưới 20kg pháo hoa hoặc từ 01kg đến dưới 02kg thuốc pháo hoa;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với số lượng từ 20kg đến dưới 40kg pháo hoa hoặc từ 02kg đến dưới 05kg thuốc pháo hoa;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với số lượng từ 40kg đến dưới 50kg pháo hoa hoặc từ 05kg đến dưới 10kg thuốc pháo hoa;

e) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với số lượng từ 50kg pháo hoa trở lên hoặc từ 10kg thuốc pháo hoa trở lên.

6. Các mức tiền phạt quy định tại khoản 5 Điều này cũng được áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chế tạo, sản xuất, mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu, tàng trữ, vận chuyển trái phép thuốc pháo nổ nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Các hành vi vi phạm hành chính về sản xuất, mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu, tàng trữ, vận chuyển trái phép pháo nổ nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự được xử lý, xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

#### 8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1; khoản 2; các điểm a và d khoản 3; khoản 4; khoản 5; khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép về pháo từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c và d khoản 3; điểm c, d và đ khoản 4; khoản 5; khoản 6 Điều này.

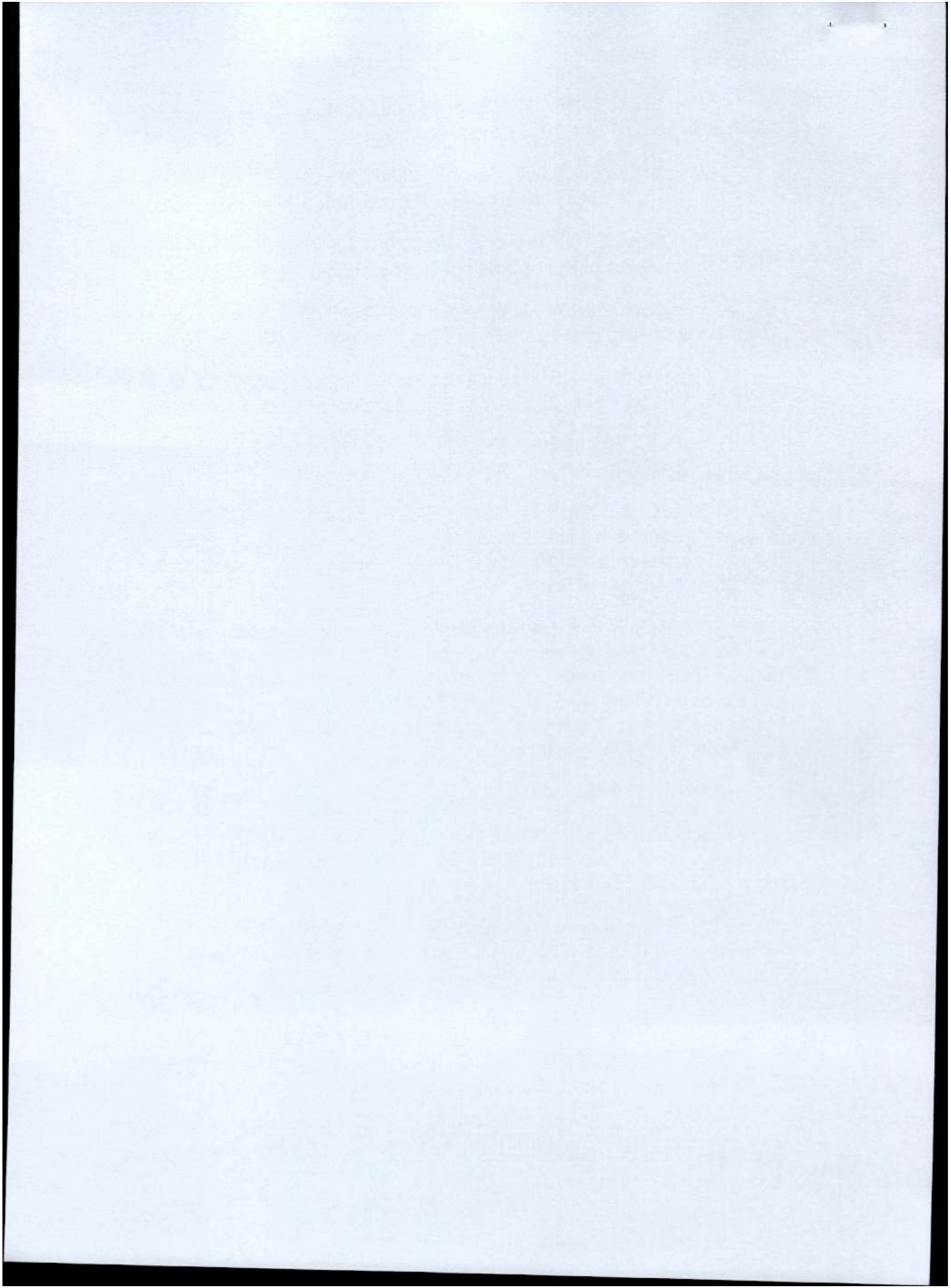
#### 9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3; các điểm a, c và d khoản 4; khoản 5; khoản 6 Điều này.”.









8. Bổ sung Điều 11b vào sau Điều 11a như sau:

**“Điều 11b. Vi phạm quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng dao có tính sát thương cao**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thông báo việc mất, thất lạc dao có tính sát thương cao trong quá trình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Mang dao có tính sát thương cao vào địa điểm đông người, nơi công cộng để sử dụng hành nghề hợp pháp mà không có biện pháp quản lý, cất giữ, bảo quản an toàn;

c) Sử dụng dao có tính sát thương cao trong lao động, sản xuất, sinh hoạt nhưng không thực hiện các biện pháp quản lý, bảo quản để người khác lợi dụng, sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Mang dao có tính sát thương cao vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ, mục tiêu bảo vệ, địa điểm đông người, nơi công cộng mà không chứng minh được mục đích sử dụng hợp pháp;

b) Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, thuê, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển dao có tính sát thương cao theo quy định của pháp luật;

c) Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu dao có tính sát thương không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đóng tên cơ sở sản xuất và nhãn hiệu trên sản phẩm.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều này.”.

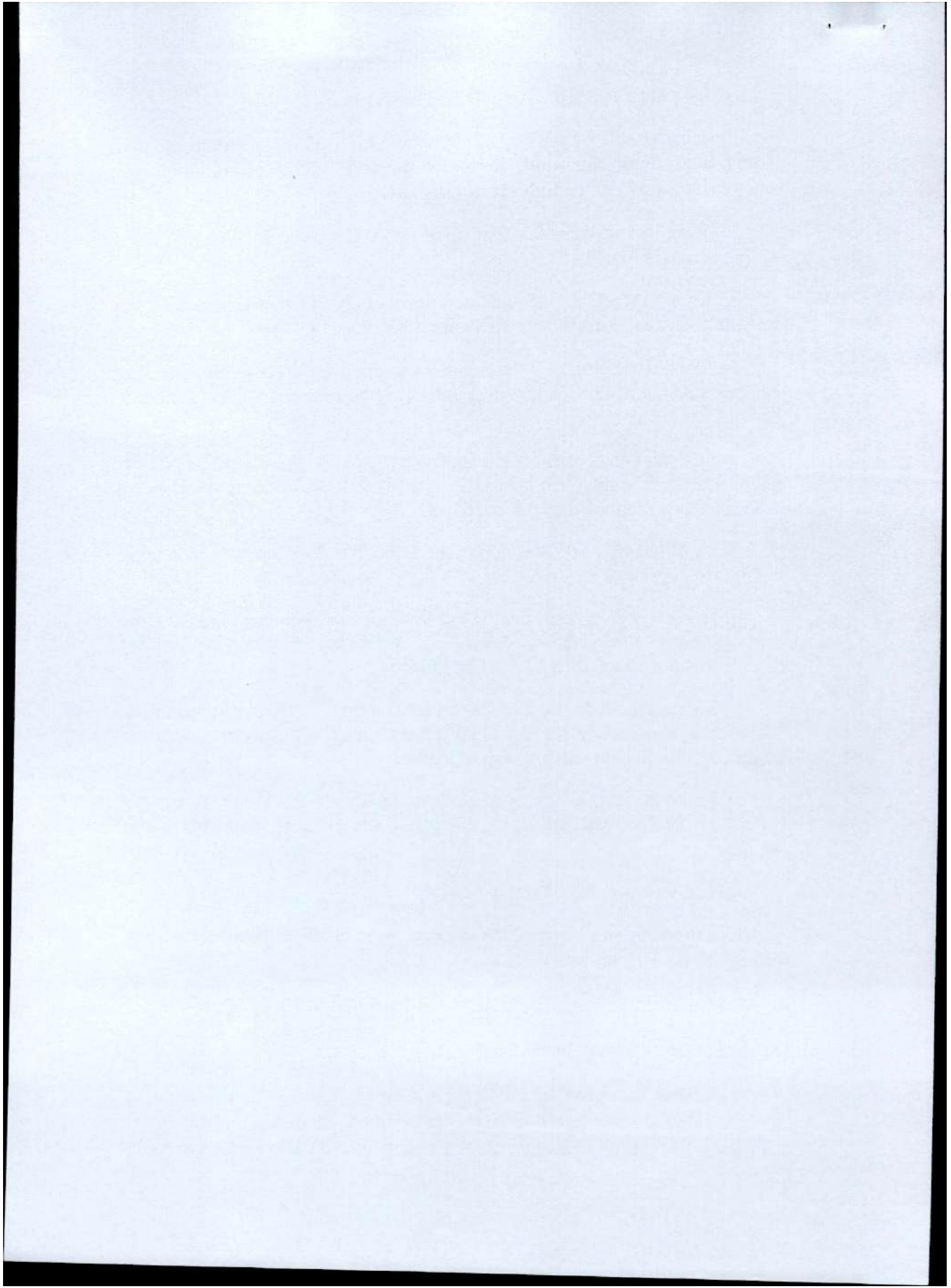
9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

“h) Không xuất trình được bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền trừ trường hợp đã được cấp bản điện tử Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.”;









b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 như sau:

“e) Sử dụng nhân viên không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm việc trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề theo quy định của pháp luật phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân viên, trừ trường hợp quy định tại điểm t khoản 3 Điều này;”;

c) Bổ sung điểm o vào sau điểm n khoản 2 như sau:

“o) Không thông báo bằng văn bản cho Công an cấp huyện nơi có địa điểm hoạt động nổ mìn trong thời hạn 06 ngày trước khi thực hiện nổ mìn.”;

d) Sửa đổi, bổ sung các điểm c, i, k và l khoản 3 như sau:

“c) Làm giả hồ sơ, tài liệu để đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

i) Nhận cầm cố tài sản nhưng không có hợp đồng cầm cố theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm l khoản 3 Điều này;

k) Nhận cầm cố tài sản mà không lưu giữ hoặc lưu giữ không đầy đủ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản cầm cố tại cơ sở kinh doanh trong thời gian cầm cố tài sản đối với tài sản theo quy định của pháp luật phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản đó hoặc không lưu giữ tài sản cầm cố trừ trường hợp có thỏa thuận theo quy định pháp luật;

l) Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 3 Điều này;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b, d và đ khoản 4 như sau:

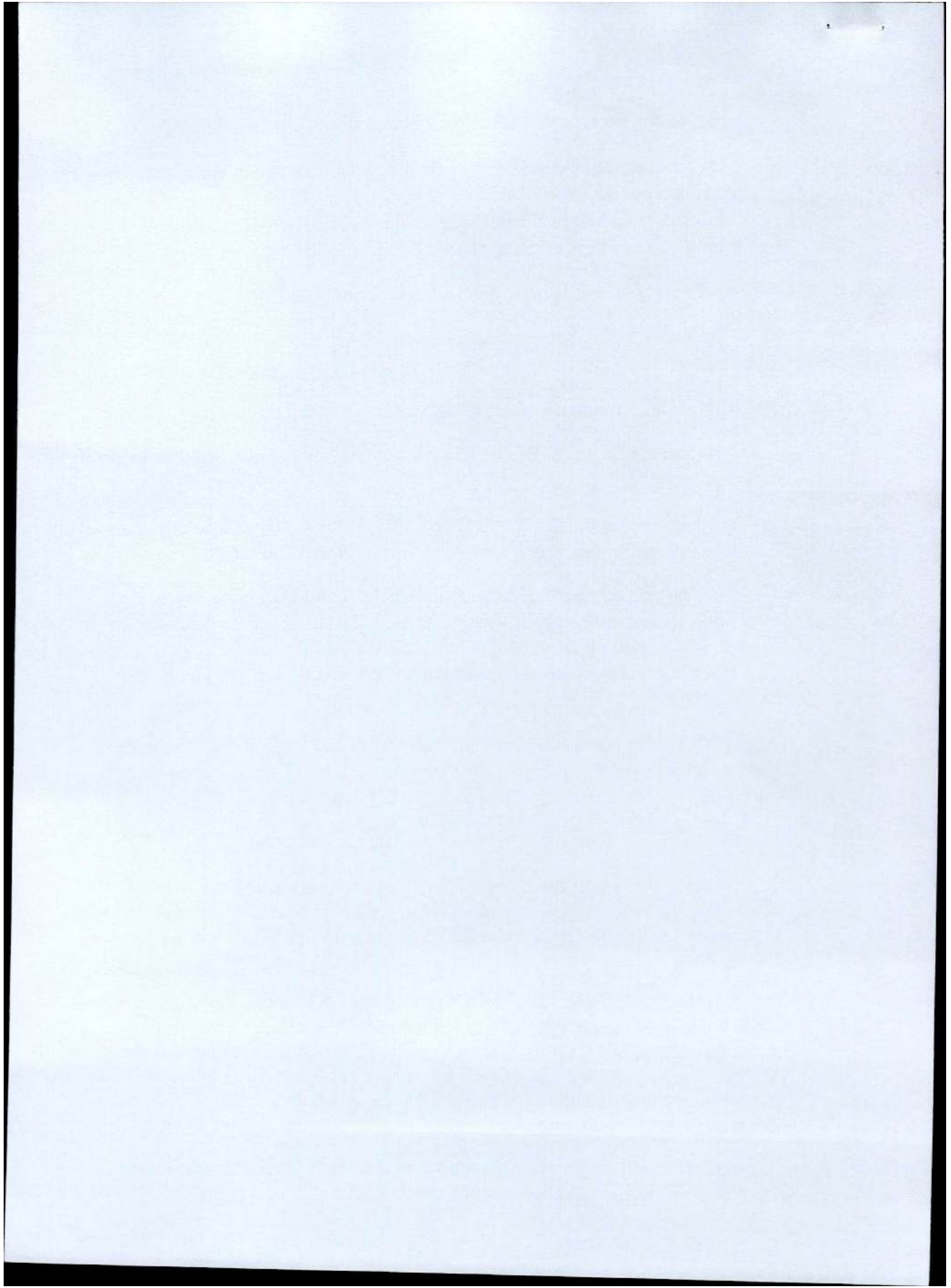
“a) Hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự khi chưa được cấp hoặc bị thu hồi hoặc đang bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này;

b) Thiếu trách nhiệm trong thực hiện quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để xảy ra hành vi xâm hại đến an ninh, trật tự, hành vi vi phạm pháp luật, hành vi trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc tại cơ sở kinh doanh trực tiếp quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23, khoản 2 Điều 27 và điểm đ khoản 3 Điều 28 Nghị định này;

d) Kinh doanh dịch vụ cầm đồ cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản mà lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ









luật Dân sự nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản mà lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;”;

e) Bổ sung điểm l và m vào sau điểm k khoản 4 như sau:

“l) Không có kho bảo quản tài sản cầm cố hoặc kho bảo quản tài sản cầm cố không đúng địa chỉ đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền;

m) Không chấp hành việc kiểm tra hoặc cản trở việc kiểm tra cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo yêu cầu của người có thẩm quyền.”;

g) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, c và d khoản 5 như sau:

“a) Lợi dụng hoạt động ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự để thực hiện hành vi xâm hại đến an ninh, trật tự, hành vi trái với đạo đức, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 5a Điều này;

c) Hoạt động dịch vụ bảo vệ có sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực nhằm mục đích đe dọa, cản trở, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5a Điều này;

d) Sử dụng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực hoặc sử dụng các biện pháp khác mà pháp luật không cho phép để tiến hành đòi nợ, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5a Điều này;”;

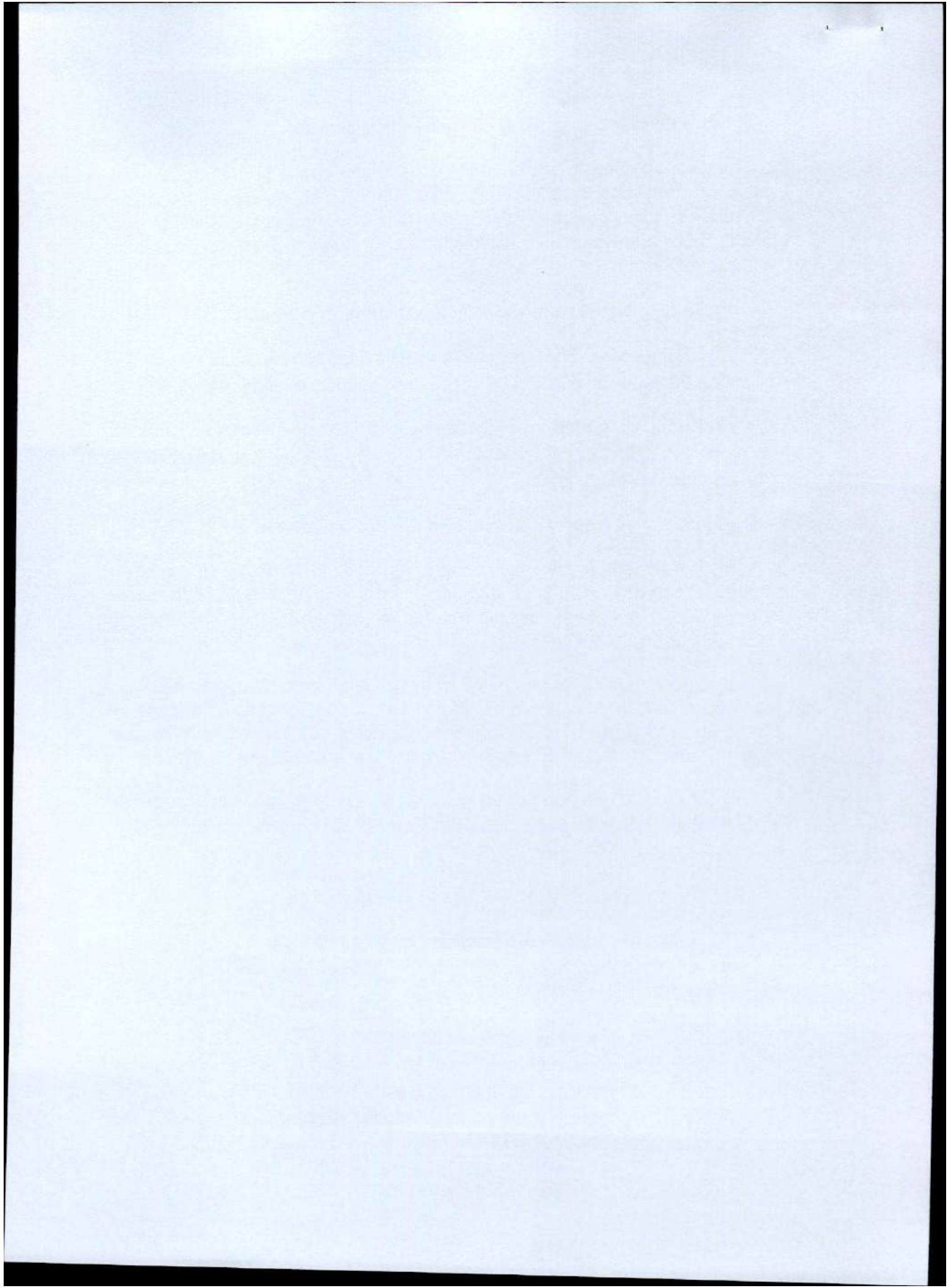
h) Bổ sung khoản 5a và khoản 5b vào sau khoản 5 như sau:

“5a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng mức tiền phạt quy định tại khoản 5 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại các điểm a, c và d khoản 5 Điều này.

5b. Các hành vi vi phạm hành chính về quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự đối với việc sử dụng lao động là người chưa thành niên được xử lý, xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.”;

i) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:







“a) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Chứng chỉ hành nghề, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm c và g khoản 4; khoản 5 Điều này”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13 như sau:

a) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 như sau:

“đ) Không gửi quyết định cho cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu khi ra quyết định chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động, kết thúc nhiệm vụ; quyết định thay đổi về tổ chức, đổi tên; quyết định thu hồi giấy đăng ký hoạt động, giấy phép hoạt động để thu hồi con dấu theo quy định.”;

b) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 2 như sau:

“đ) Sử dụng con dấu đã bị thay thế sau khi đã được cấp con dấu mới.”

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm c và h khoản 3 như sau:

“c) Mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức khác để hoạt động;

h) Không nộp lại con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chấm dứt hoạt động, kết thúc nhiệm vụ hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, giấy đăng ký hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động hoặc con dấu bị mất được tìm thấy sau khi đã bị hủy giá trị sử dụng con dấu;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Giả mạo hồ sơ để làm thêm con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước;”;

đ) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng mức tiền phạt quy định tại khoản 4 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;”;

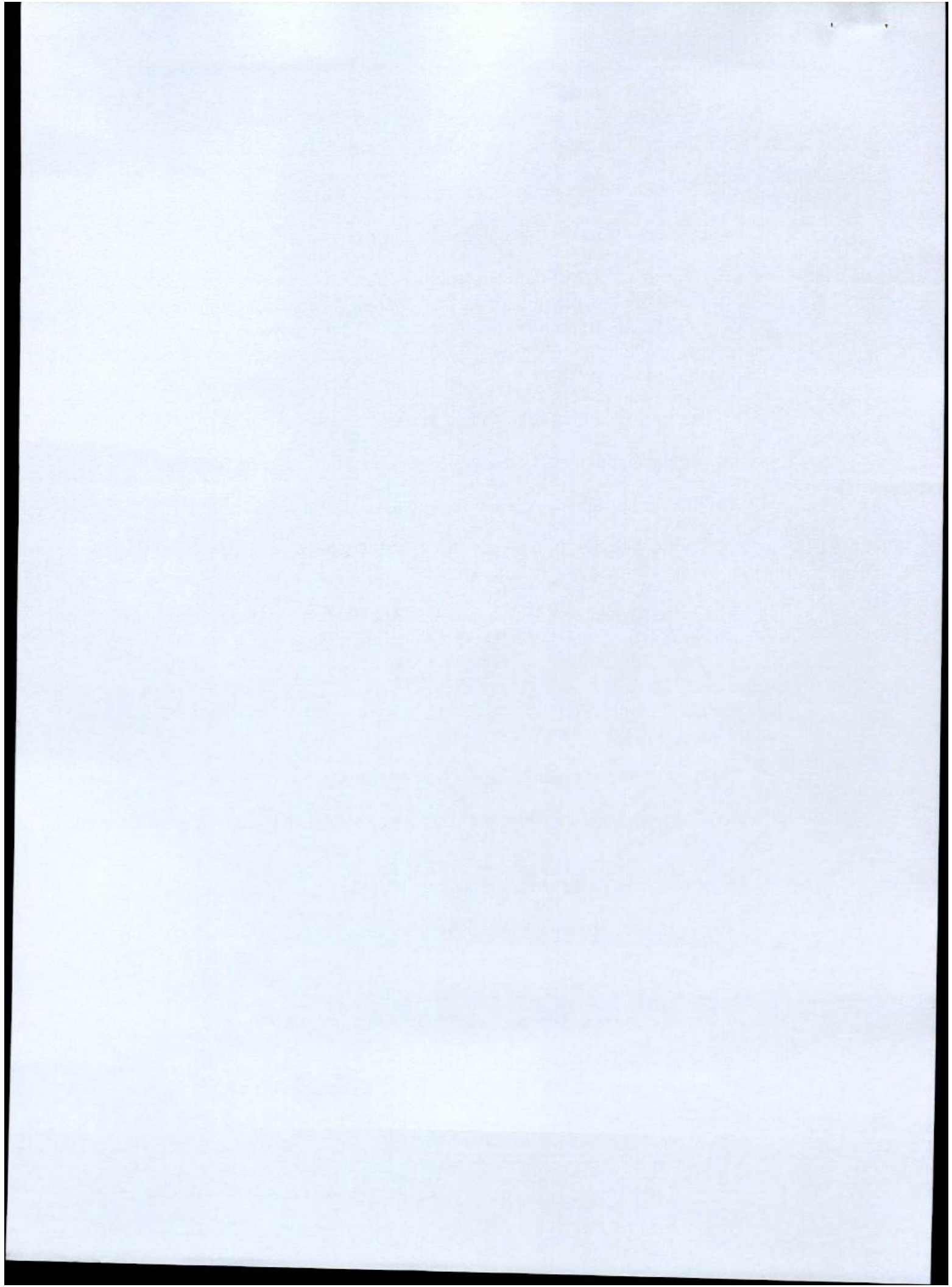
e) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

“a) Buộc nộp lại con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đối với hành vi quy định tại điểm b và đ khoản 2; các điểm a, d, đ và h khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này;”;

g) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 6 như sau:









“đ) Buộc nộp lại con dấu đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

a) Bổ sung các điểm e và g vào sau điểm đ khoản 1 như sau:

“e) Tổ chức, thuê, giúp sức, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, kích động người khác trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật hoặc phương tiện giao thông các loại công cụ, phương tiện nhằm mục đích trộm cắp, chiếm đoạt tài sản;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“a) Huy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân, tổ chức khác hoặc tài sản đồng sở hữu của bản thân với cá nhân, tổ chức khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này và điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định này;

b) Dùng thủ đoạn hoặc tạo ra hoàn cảnh để buộc người khác đưa tiền, tài sản trái quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này;

c) Gian lận hoặc lừa đảo trong việc môi giới, hướng dẫn giới thiệu dịch vụ mua, bán nhà, đất hoặc các tài sản khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này;

d) Mua, bán, cất giữ hoặc sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này;

đ) Sử dụng, mua, bán, thế chấp, cầm cố trái phép hoặc chiếm giữ tài sản của người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này;

e) Cường đoạt tài sản nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này.”;

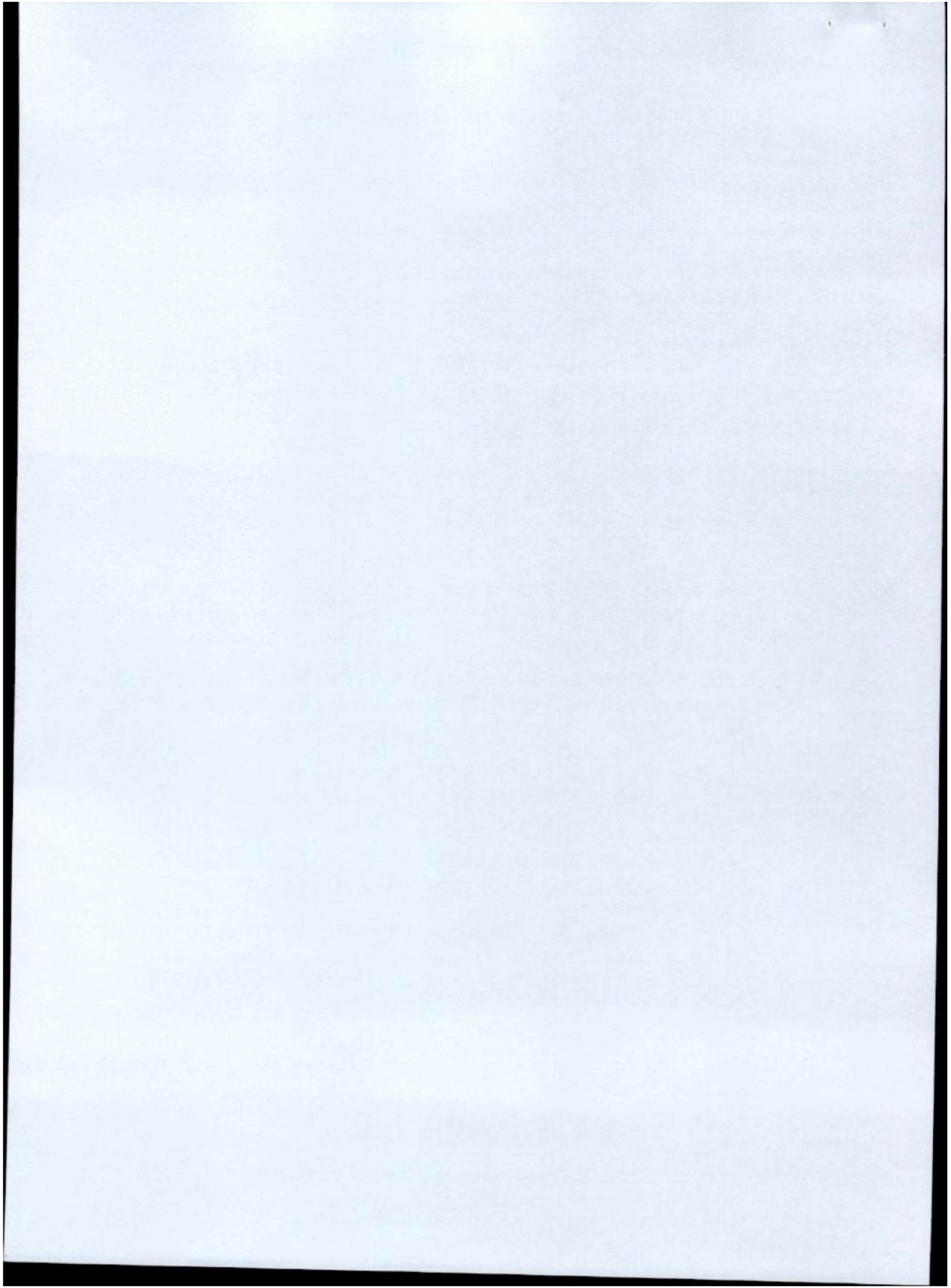
c) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng mức tiền phạt quy định tại khoản 2 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b và c khoản 4 như sau:

“b) Buộc trả lại tài sản do chiếm giữ trái phép hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tài sản có được do chiếm giữ trái phép đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu







hủy trái quy định của pháp luật cho chủ sở hữu hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và b khoản 1, các điểm đ và e khoản 2 Điều này;

c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, trừ trường hợp tài sản không thể khôi phục được tình trạng ban đầu;”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tự ý xê dịch, tháo dỡ cột dây điện thoại, điện tín, cột đèn, hàng rào của các cơ quan nhà nước hoặc các công trình công cộng khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này;

b) Tháo dỡ, phá hủy hoặc làm bất cứ việc gì khác gây hư hại đến các loại biển báo, biển chỉ dẫn, biển hiệu của cơ quan, tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này;

c) Phá hoại, làm hư hỏng tài sản, hiện vật tại mục tiêu, vọng gác bảo vệ mục tiêu; leo trèo hoặc thực hiện các hành vi khác tác động lên công, cửa, tường rào của mục tiêu, vọng gác bảo vệ mục tiêu khi chưa được phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này.”;

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng mức tiền phạt quy định tại khoản 2 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

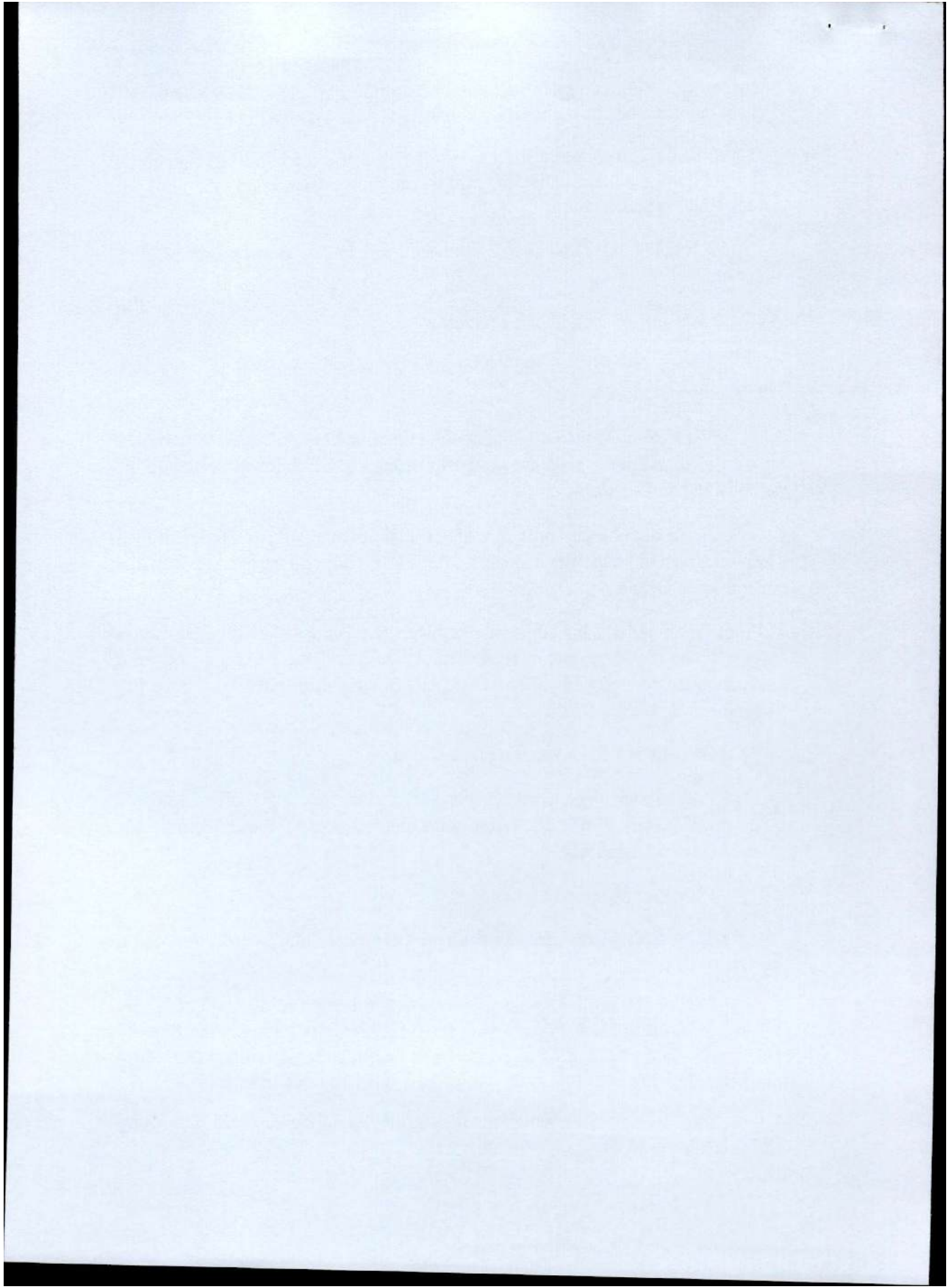
**“Điều 18. Vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và đi lại**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với người nước ngoài đi lại trên lãnh thổ Việt Nam mà không mang theo hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam hoặc thẻ ABTC.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:









a) Không thông báo theo quy định của pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền về việc mất hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, thẻ ABTC, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên còn giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

b) Cố ý khai không đúng sự thật để được cấp, gia hạn, khôi phục giá trị sử dụng hoặc trình báo mất hộ chiếu, giấy thông hành; cố ý khai không đúng sự thật để được cấp giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

c) Người nước ngoài đi vào khu vực nhà nước quy định cần có giấy phép mà không có giấy phép hoặc đi lại quá phạm vi, thời hạn được phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

d) Không xuất trình hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC khi cơ quan, người có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu; không chấp hành các yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền của Việt Nam về khám người, phương tiện vận tải, đồ vật, nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

đ) Người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú ở Việt Nam quá thời hạn dưới 16 ngày mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

e) Công dân Việt Nam sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh hết thời hạn sử dụng hoặc không có giấy tờ xuất nhập cảnh để nhập cảnh Việt Nam;

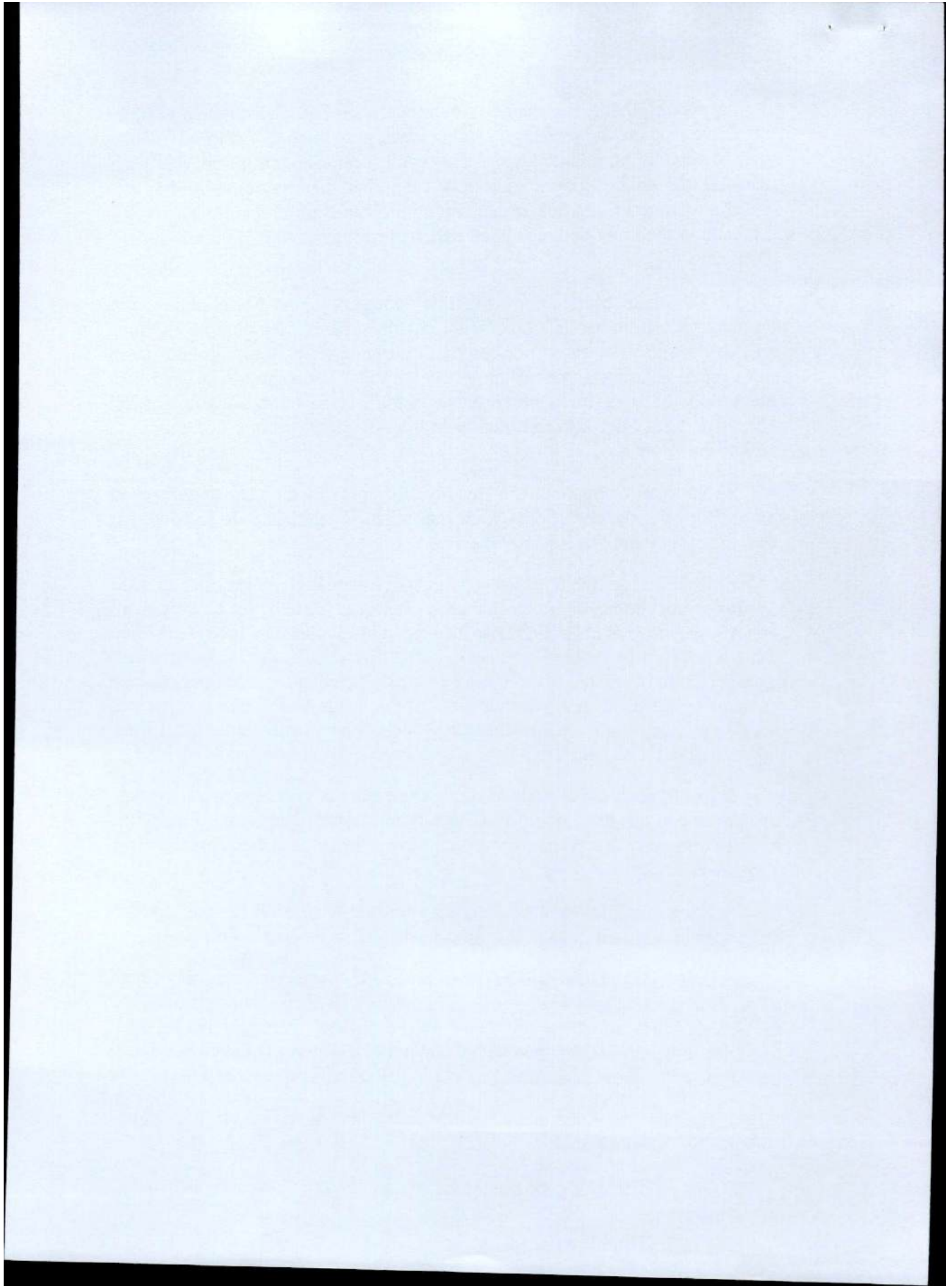
g) Chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC của người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh









theo quy định của pháp luật hoặc ở lại Việt Nam trái phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

b) Hủy hoại, tẩy, xóa, sửa chữa hoặc làm sai lệch hình thức, nội dung ghi trong hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

c) Tặng, cho, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

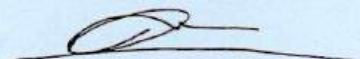
d) Cho người khác sử dụng hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

đ) Sử dụng hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC của người khác để nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú hoặc để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

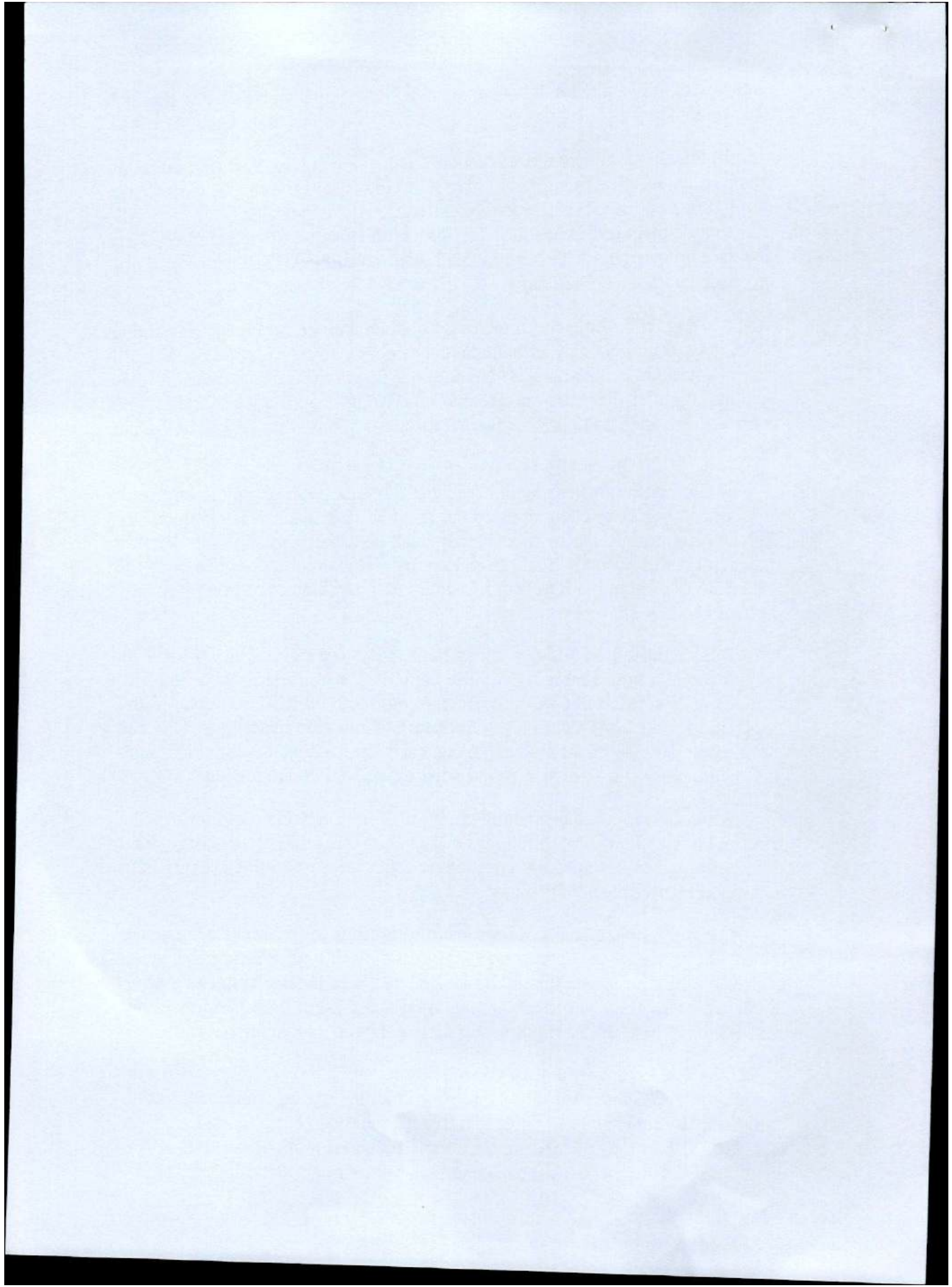
e) Người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú ở Việt Nam quá thời hạn từ 16 ngày đến dưới 30 ngày mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

g) Người nước ngoài đã được cấp thẻ thường trú mà thay đổi địa chỉ nhưng không khai báo để thực hiện việc cấp đổi lại; người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển theo diện miễn thị thực đi đến địa điểm khác của Việt Nam mà không có thị thực Việt Nam theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.

h) Không khai báo tạm trú hoặc không cập nhật thông tin khai báo tạm trú theo quy định của pháp luật hoặc cố ý khai báo không chính xác, không đúng sự thật về người nước ngoài tạm trú; tạo tài khoản bằng thông tin sai sự thật để khai báo tạm trú cho người nước ngoài trên môi trường điện tử tại công dịch vụ công quốc gia hoặc công dịch vụ công của Bộ Công an; người









nước ngoài không xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định; người nước ngoài không thông báo cho cơ sở lưu trú khi có thay đổi thông tin về hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam để cập nhật thông tin khai báo tạm trú theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng hộ chiếu giả, giấy thông hành giả, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế giả, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam giả, tem AB giả, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên giả, kiểm chứng xuất cảnh, nhập cảnh giả, chứng nhận tạm trú giả hoặc thẻ ABTC giả, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

b) Người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú ở Việt Nam quá thời hạn từ 30 ngày đến dưới 60 ngày mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Người nước ngoài nhập cảnh, hành nghề hoặc có hoạt động khác tại Việt Nam mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

b) Người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú quá thời hạn từ 60 ngày đến dưới 90 ngày mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

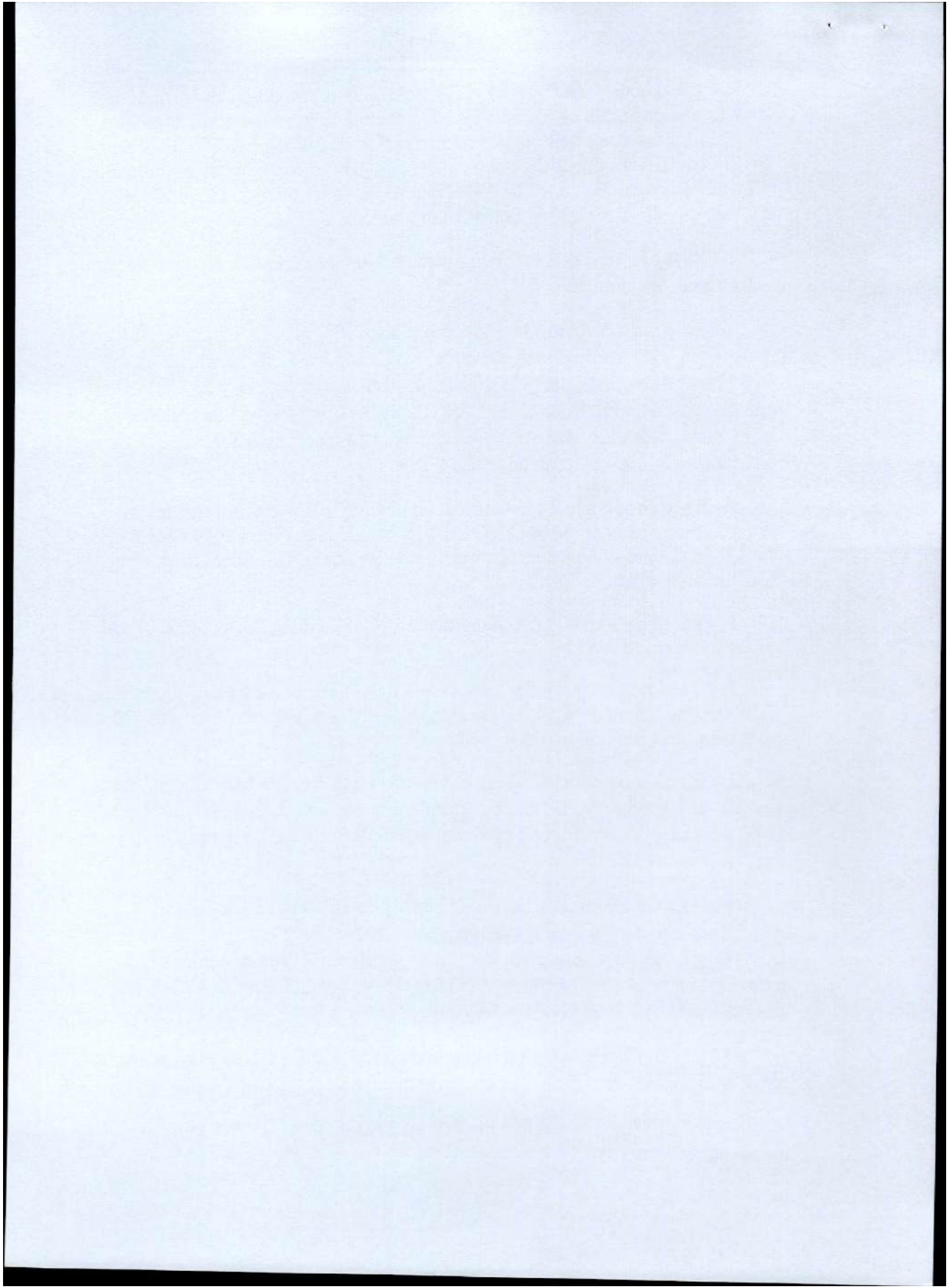
c) Mua, bán hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

d) Công dân Việt Nam sử dụng thị thực nước ngoài giả hoặc giấy tờ xác nhận, chứng minh được nước đến cho nhập cảnh giả.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:









a) Làm thủ tục mời, bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam nhưng không thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định của pháp luật hoặc khai không đúng sự thật khi làm thủ tục mời, bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam;

b) Người nước ngoài nhập cảnh hoạt động không đúng mục đích, chương trình đã đề nghị xin cấp thị thực, thẻ tạm trú hoặc gia hạn tạm trú, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

c) Giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thẻ ABTC, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

d) Người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú quá thời hạn từ 90 ngày đến dưới 180 ngày mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch cho người nước ngoài hoặc cho người nước ngoài tạm trú khi người nước ngoài cư trú không hợp pháp tại Việt Nam hoặc phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú quá thời hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.

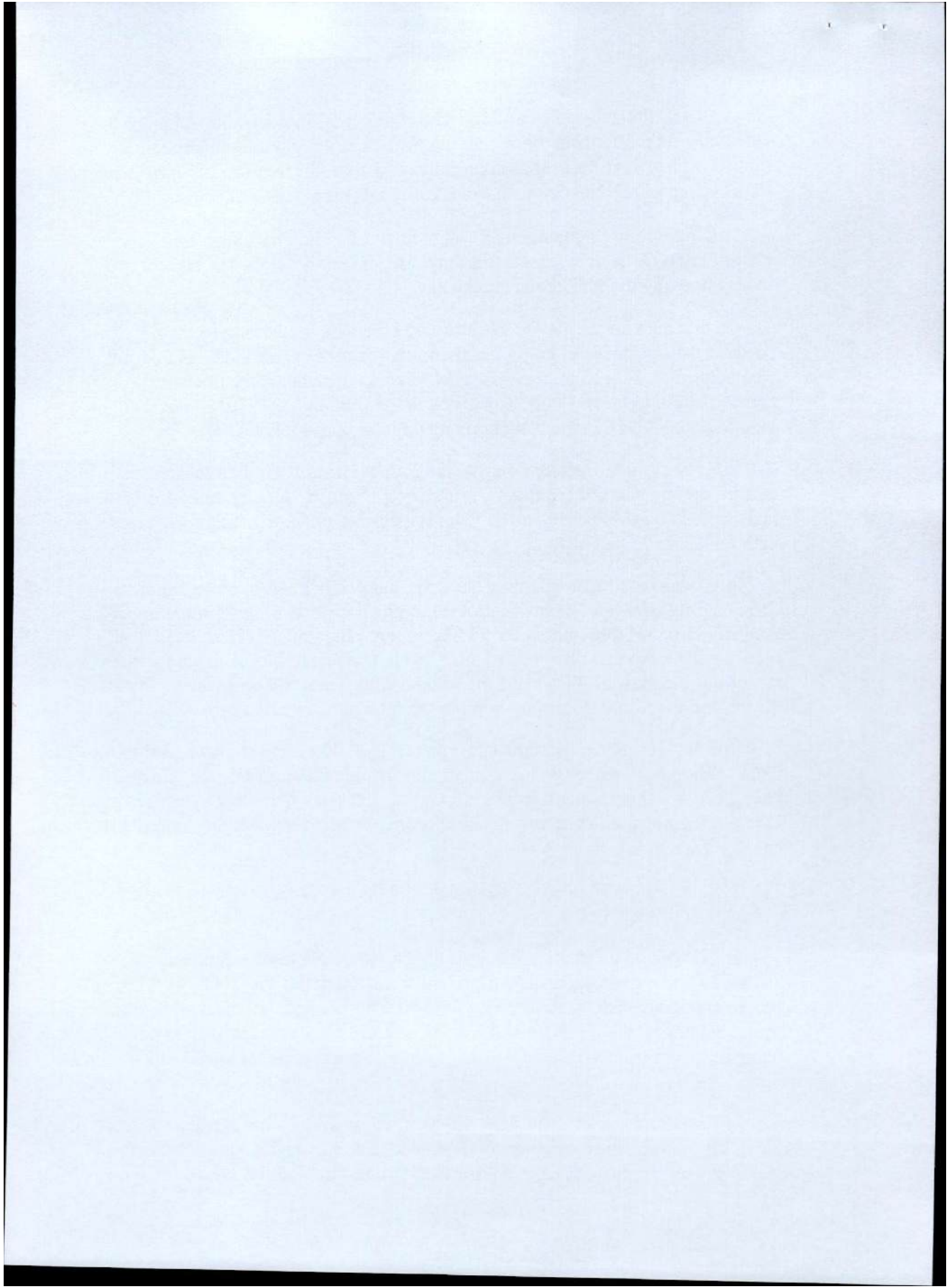
8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm giả hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, tem AB, giấy tờ xuất nhập cảnh khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, kiểm chứng xuất cảnh, nhập cảnh, chứng nhận tạm trú hoặc thẻ ABTC, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

b) Vào, ở lại đại sứ quán, lãnh sự quán, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc trụ sở cơ quan, tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam mà không được phép của cơ quan, tổ chức đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;









c) Người nước ngoài cư trú tại các khu vực cấm người nước ngoài cư trú, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

d) Chủ phương tiện, người quản lý phương tiện, người điều khiển các loại phương tiện vận chuyển người nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam trái phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

đ) Tổ chức, môi giới, giúp sức, xúi giục, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người khác xuất cảnh, ở lại nước ngoài, nhập cảnh, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

e) Người nước ngoài không chấp hành quyết định buộc xuất cảnh Việt Nam của cơ quan có thẩm quyền, tiếp tục cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này;

g) Người nước ngoài sử dụng chứng nhận tạm trú, gia hạn tạm trú, thẻ tạm trú, không cấp đổi thẻ thường trú quá thời hạn từ 01 năm trở lên mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.

9. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng các mức tiền phạt tương ứng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g khoản 2; khoản 3; khoản 4; các điểm a, b, c khoản 5; các điểm b, c, d, đ khoản 6; khoản 7 và khoản 8 Điều này.

10. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến cư dân biên giới qua lại khu vực biên giới được xử lý, xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

11. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2; các điểm b, c, d và đ khoản 3; điểm a khoản 4; các điểm a, c và d khoản 5; các điểm b và c khoản 6; các điểm a và d khoản 8 Điều này.

12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

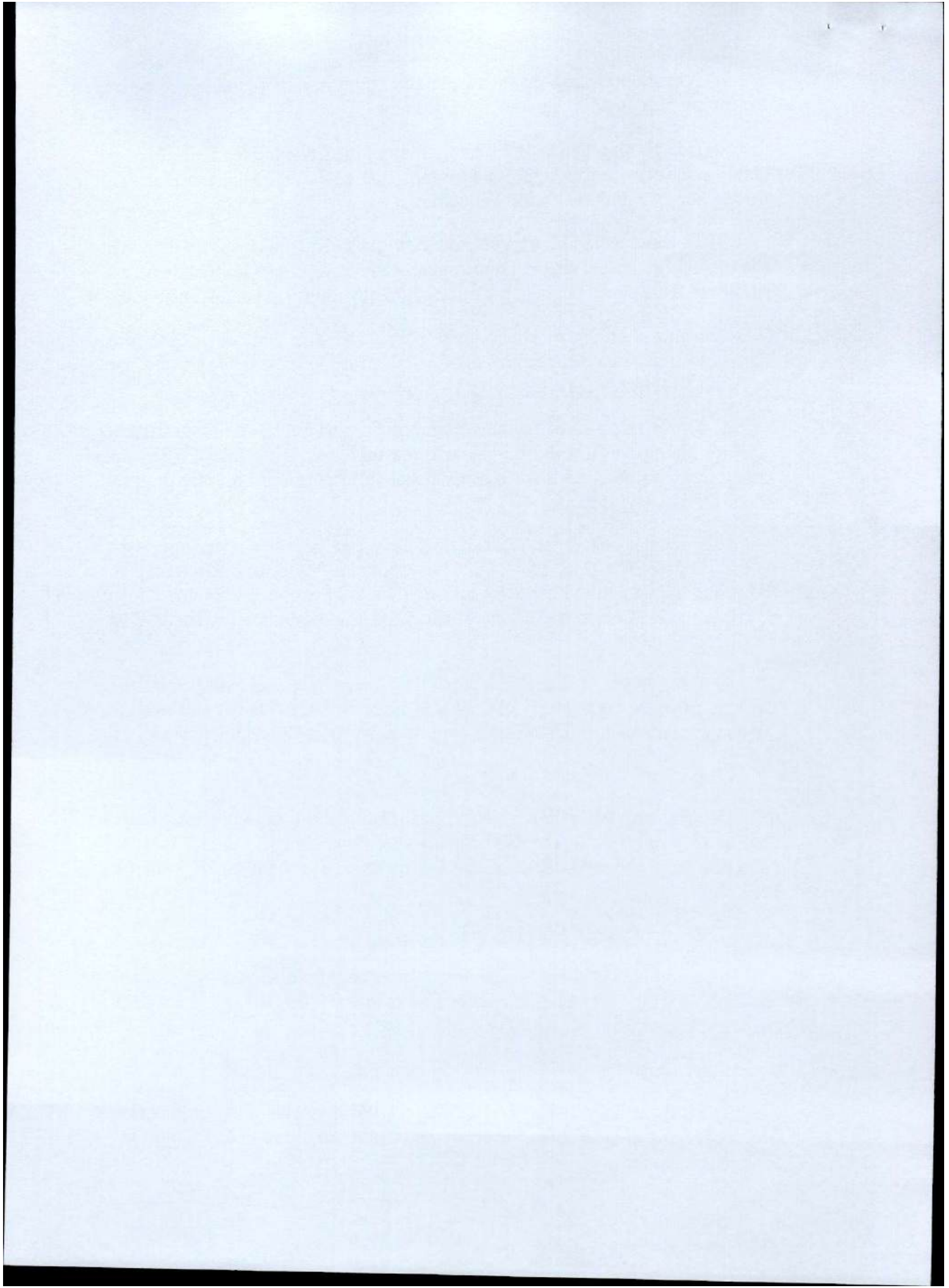
Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3; các điểm a và c khoản 5; các điểm d, đ khoản 8 Điều này.”.

14. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 3 Điều 19 như sau:

“e) Sử dụng thiết bị ngoại vi để kết nối với máy tính chứa bí mật nhà nước hoặc thiết bị soạn thảo, lưu trữ chứa bí mật nhà nước không đúng quy định của pháp luật.”.









15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 như sau:

“2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán hoặc đổi trái phép trang phục, cấp hiệu, phù hiệu, số hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc các giấy tờ khác dành riêng cho lực lượng Công an nhân dân, trừ trường hợp quy định tại khoản 3a Điều này và điểm k khoản 4 Điều 12 Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất trái phép hoặc làm giả trang phục, cấp hiệu, phù hiệu, số hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc các giấy tờ khác dành riêng cho lực lượng Công an nhân dân, trừ trường hợp quy định tại khoản 3a Điều này.”;

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng các mức tiền phạt tương ứng quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều này.”.

16. Bổ sung Điều 20a vào sau Điều 20 như sau:

**“Điều 20a. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép hoặc chiếm giữ trái phép trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, cầm cố hoặc đổi trái phép trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

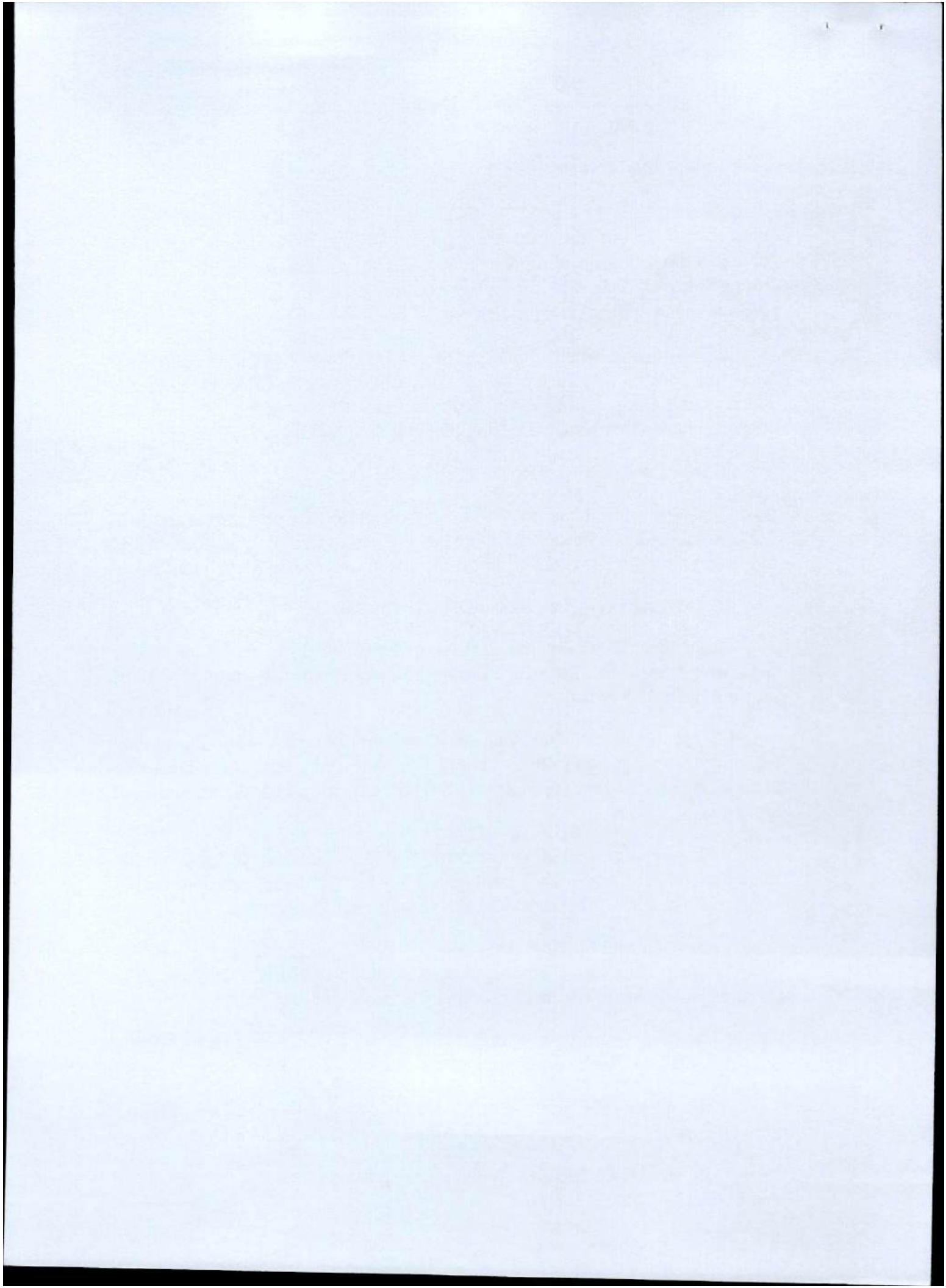
3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất trái phép hoặc làm giả trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.”.

17. Bổ sung Điều 20b vào sau Điều 20a như sau:







**“Điều 20b. Vi phạm quy định về tổ chức, hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi giả danh lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trong khi thực hiện nhiệm vụ.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trái quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

4. Hình thức phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 1 Điều này.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

**“Điều 22. Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cố ý không cung cấp, cung cấp không đầy đủ, sai sự thật hoặc giả mạo thông tin, giấy tờ, tài liệu phục vụ xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước;

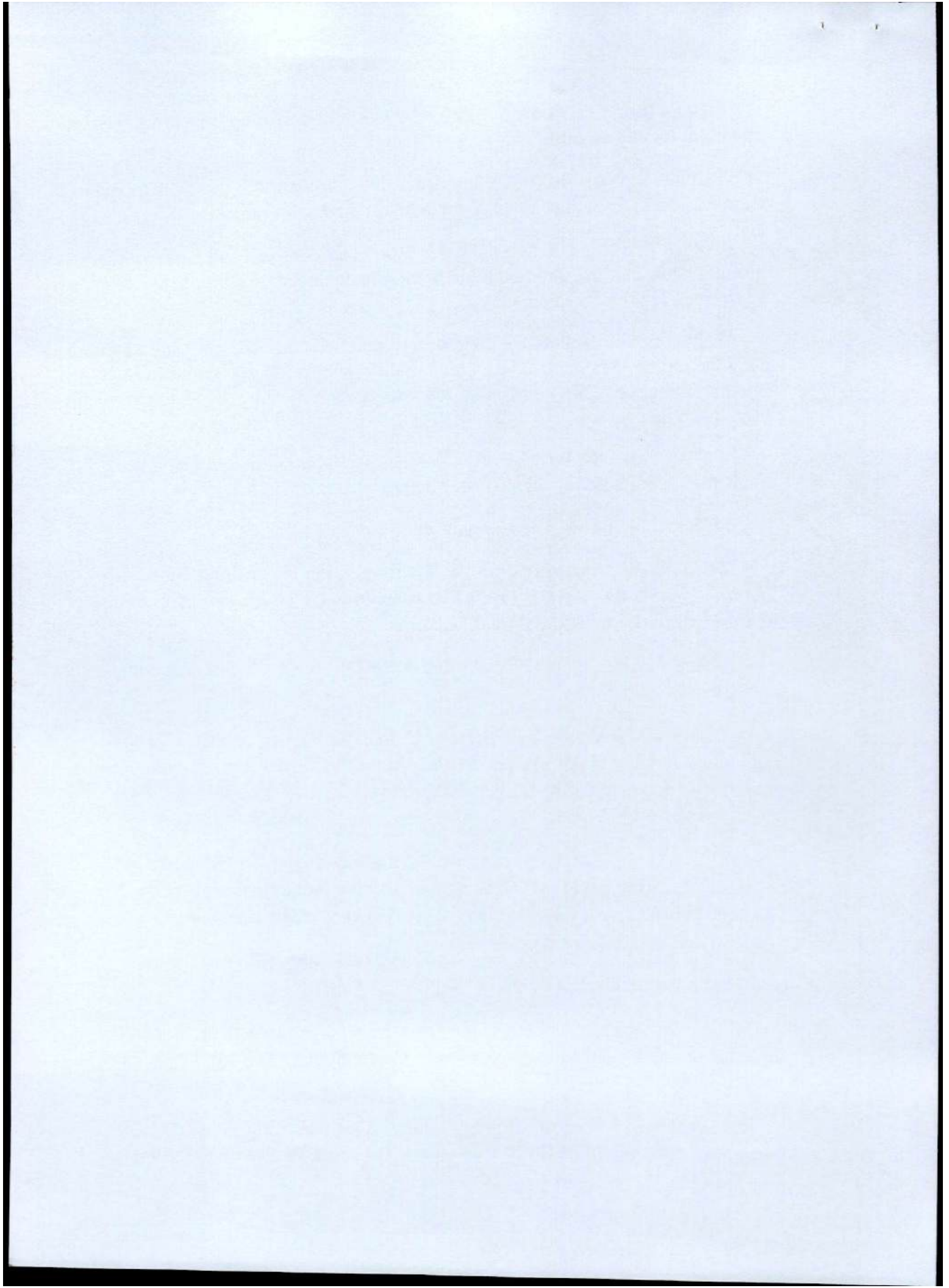
b) Cố ý không cung cấp, cung cấp không đầy đủ, sai sự thật hoặc giả mạo thông tin, giấy tờ, tài liệu để đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm sai lệch sổ sách, hồ sơ, giấy tờ, tài liệu, dữ liệu và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước;

b) Khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước nhưng







không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về căn cước và chủ thể dữ liệu theo quy định của pháp luật;

c) Cản trở hoặc ngăn chặn, làm gián đoạn quá trình truyền, gửi, nhận dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cung cấp, khai thác trái phép, trái thẩm quyền thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Cố ý làm lộ bí mật thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Truy nhập trái phép; làm thay đổi, xóa, hủy, phát tán trái phép hoặc thực hiện các hoạt động trái phép khác liên quan đến thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Phá hoại cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, các trang, thiết bị phục vụ hoạt động bình thường của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

c) Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi khác gây cản trở, rối loạn hoạt động của cơ sở hạ tầng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử;

d) Khai thác, chia sẻ, mua, bán, trao đổi, chiếm đoạt, sử dụng trái phép thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước, hệ thống định danh và xác thực điện tử, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này;

đ) Sử dụng trái phép thông tin định danh cá nhân của người khác để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.









5. Hình thức phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.”.

19. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau:

**“Điều 22a. Vi phạm quy định về cấp định danh và xác thực điện tử; sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử; quản lý dịch vụ xác thực điện tử**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cấp tài khoản định danh điện tử;

b) Không thực hiện đúng quy định về việc xác thực điện tử.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chiếm đoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử của cá nhân;

b) Cung cấp thông tin về danh tính điện tử giả để được định danh cá nhân.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu, dữ liệu giả để được cấp tài khoản định danh điện tử;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp tài khoản định danh điện tử;

c) Cung cấp thông tin về danh tính điện tử giả để được định danh tổ chức.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:







- a) Làm giả tài khoản định danh điện tử;
- b) Sử dụng tài khoản định danh điện tử giả;
- c) Chiếm đoạt tài khoản định danh điện tử của tổ chức;
- d) Mua, bán, thuê, cho thuê tài khoản định danh điện tử;
- đ) Cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp tài khoản định danh điện tử;
- e) Mượn, cho mượn tài khoản định danh điện tử để người khác thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

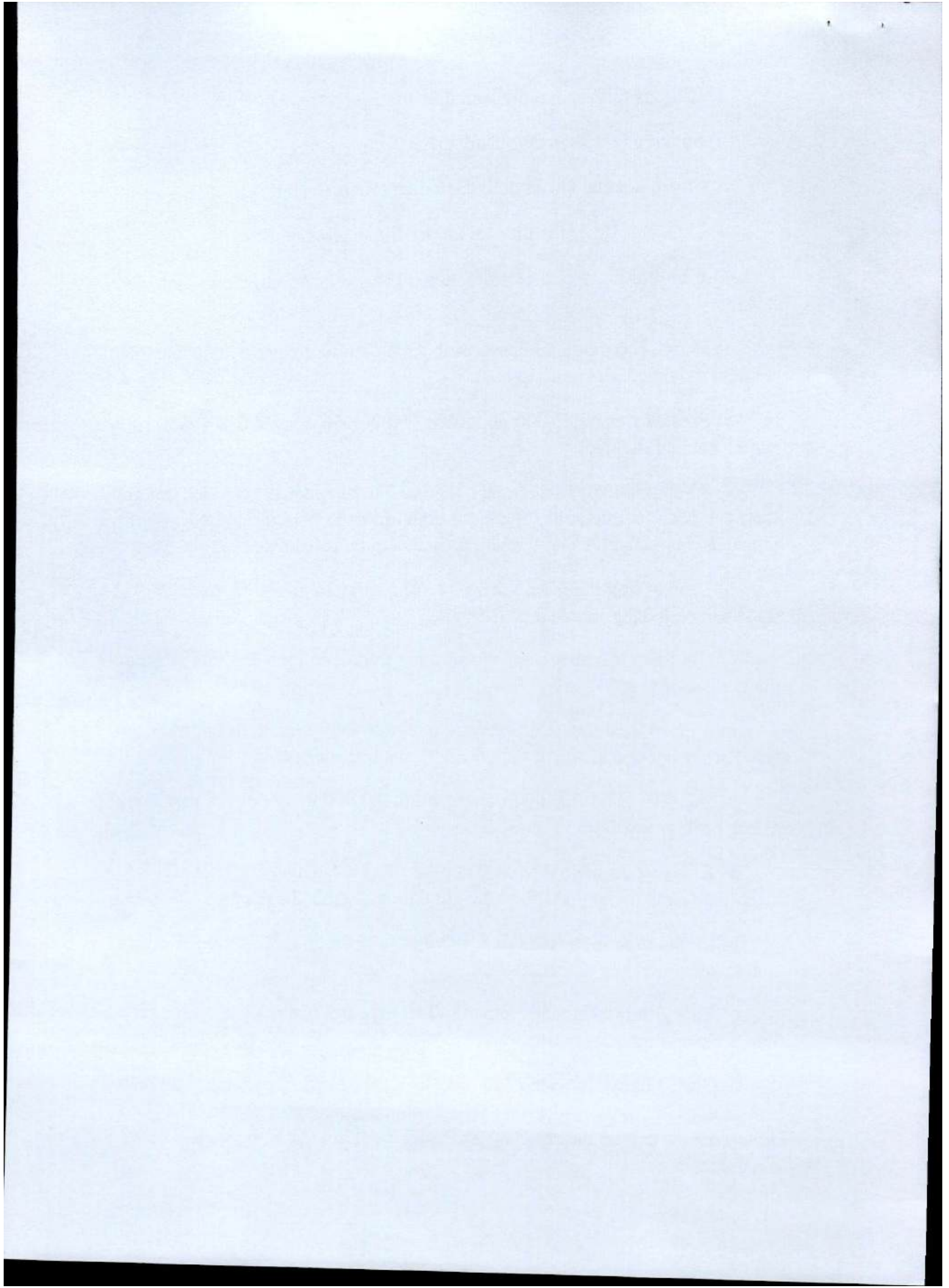
- a) Sử dụng tài khoản định danh điện tử vào hoạt động, giao dịch trái quy định của pháp luật; xâm phạm đến an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;
- b) Tạo lập ứng dụng định danh và xác thực điện tử giả; tổ chức làm giả tài khoản định danh và xác thực điện tử;
- c) Can thiệp trái phép vào việc sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử của cá nhân, tổ chức;
- d) Cản trở việc thực hiện phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không thực hiện việc cấp, cấp lại, thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo quy định pháp luật;
- b) Không thực hiện việc thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử theo quy định;
- c) Không thực hiện việc niêm yết danh mục sản phẩm, dịch vụ xác thực điện tử do mình thực hiện trên trang thông tin định danh điện tử;
- d) Quá 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện mất Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử nhưng không có văn bản thông báo cho cơ quan Công an đã cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử;









đ) Không xuất trình được bản chính Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong thi hành quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử;

b) Không duy trì đúng và đầy đủ các điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử trong suốt quá trình hoạt động;

c) Thực hiện việc ủy thác cho tổ chức khác thực hiện một số hoạt động bao gồm: tư vấn, giới thiệu, giải đáp về dịch vụ xác thực điện tử; tìm kiếm đối tác, thương thảo, thống nhất các nội dung liên quan đến hoạt động, dịch vụ, tiện ích cung cấp dịch vụ xác thực điện tử; hỗ trợ, chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ xác thực điện tử và các hoạt động xúc tiến thương mại khác liên quan đến dịch vụ xác thực điện tử không đúng theo quy định của pháp luật;

d) Giả mạo hồ sơ để đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử;

đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử;

e) Cho mượn, cho thuê, mua, bán, cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, nhận cầm cố Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử;

g) Không có nhân sự có bằng đại học trở lên chuyên ngành an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ, quản trị hệ thống, vận hành hệ thống, bảo đảm an toàn thông tin của hệ thống trong quá trình kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử.

8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Lợi dụng hoạt động kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử xâm phạm thông tin cá nhân của người dân làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người khác;

b) Làm giả Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử;





c) Sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử giả;

d) Hoạt động kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử khi chưa được cấp hoặc bị thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm d, đ khoản 7; các điểm b, c khoản 8 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm d và đ khoản 4; điểm b khoản 5; các điểm c, d, đ và e khoản 7; các điểm a, b và d khoản 8 Điều này.”.

20. Sửa đổi, bổ sung một số khoản và bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật, người được giao quản lý cơ sở kinh doanh, dịch vụ, người quản lý phương tiện giao thông hoặc cá nhân khác có trách nhiệm quản lý nhà hàng, cơ sở cho thuê lưu trú, câu lạc bộ, hoạt động kinh doanh karaoke, hoạt động kinh doanh vũ trường, kinh doanh trò chơi điện tử, các phương tiện giao thông nhưng thiếu trách nhiệm trong thực hiện quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh để xảy ra hoạt động tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực, phương tiện do mình quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Cung cấp địa điểm, phương tiện cho người khác tàng trữ trái phép chất ma túy;”;

c) Bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 như sau:

“7a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng mức tiền phạt quy định tại khoản 5 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Hình thức xử phạt bổ sung:



a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4; các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.”.

21. Bổ sung Điều 23a vào sau Điều 23 như sau:

**“Điều 23a. Vi phạm các quy định về cai nghiện ma túy**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không ban hành quy trình cai nghiện ma túy; quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Không thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ cai nghiện ma túy;

c) Không ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy;

d) Không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi người cai nghiện ma túy tự ý chấm dứt hoặc hoàn thành việc sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy;

đ) Từ chối tiếp nhận người có quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không chấp hành quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy;

b) Không chấp hành quyết định đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy có thời hạn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau thực hiện không đúng, không đầy đủ quy trình cai nghiện ma túy; quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:



a) Thực hiện cai nghiện ma túy vượt quá phạm vi hoạt động được ghi trong giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Thực hiện cai nghiện ma túy vượt quá phạm vi chức năng, nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đối với cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây: cho mượn; cho thuê; chuyển nhượng hoặc sử dụng giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện vào mục đích khác.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cai nghiện ma túy khi chưa được đăng ký, chưa được cấp phép hoạt động hoặc chưa đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi người cai nghiện ma túy tự ý chấm dứt hoặc hoàn thành việc sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Buộc thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ cai nghiện ma túy do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.”

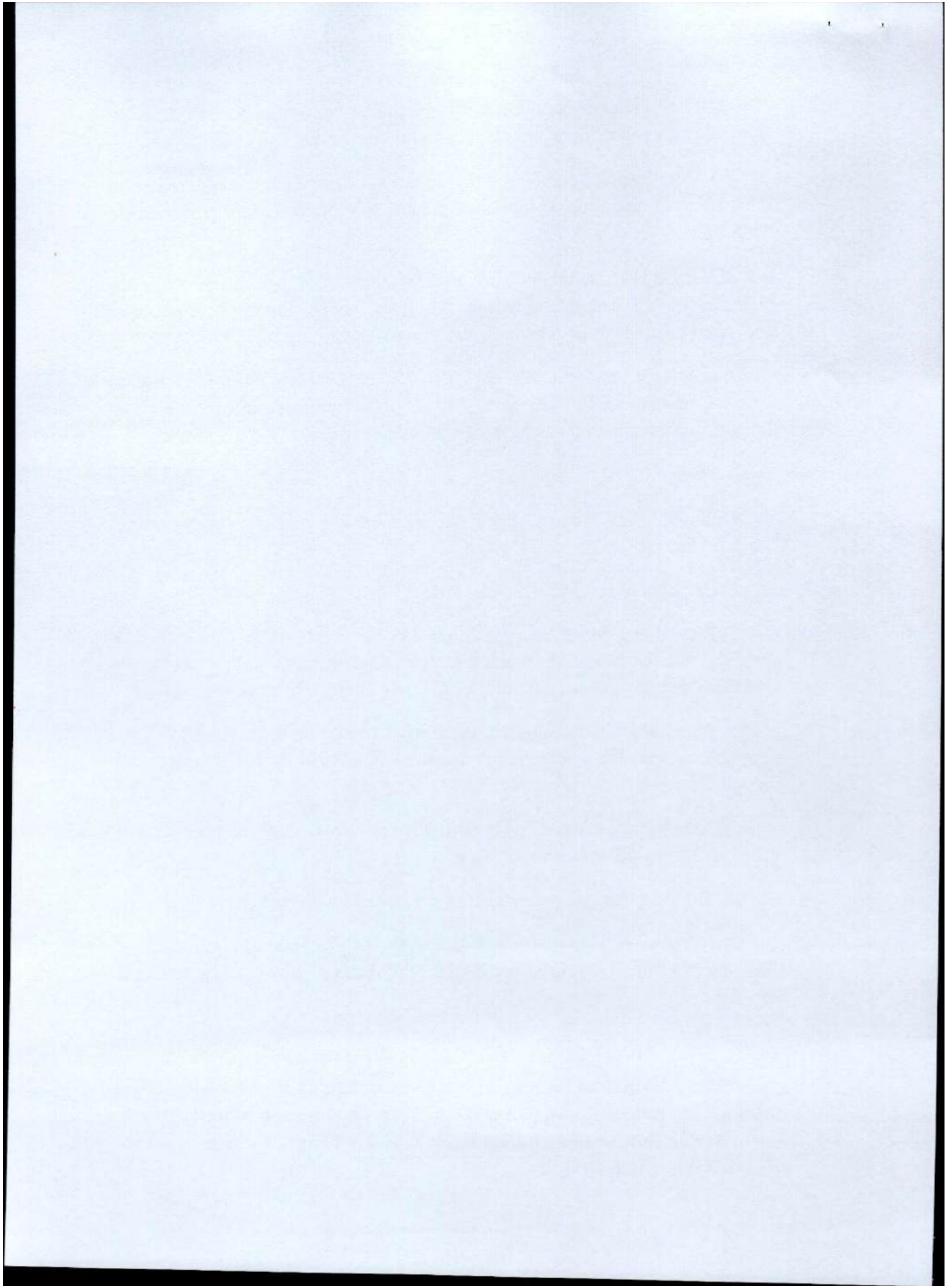
22. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 25 như sau:

“2a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng mức tiền phạt quy định tại khoản 2 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.”.

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

**“Điều 27. Hành vi sử dụng việc mua dâm, bán dâm và các hoạt động tình dục khác làm phương thức kinh doanh hoặc hành vi thiếu trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm, khiêu dâm, kích dục ở cơ sở kinh doanh, dịch vụ**







1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng việc mua dâm, bán dâm và các hoạt động tình dục khác làm phương thức kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật, người được giao quản lý cơ sở kinh doanh, dịch vụ thiếu trách nhiệm trong thực hiện quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm, khiêu dâm, kích dục ở cơ sở do mình quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định này.

3. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng mức tiền phạt tương ứng quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản và bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Chủ sở hữu, người quản lý máy trò chơi điện tử, chủ cơ sở kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử hoặc các cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác thiếu trách nhiệm trong thực hiện quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh để xảy ra hoạt động đánh bạc ở cơ sở do mình quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 5a và điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định này.”;

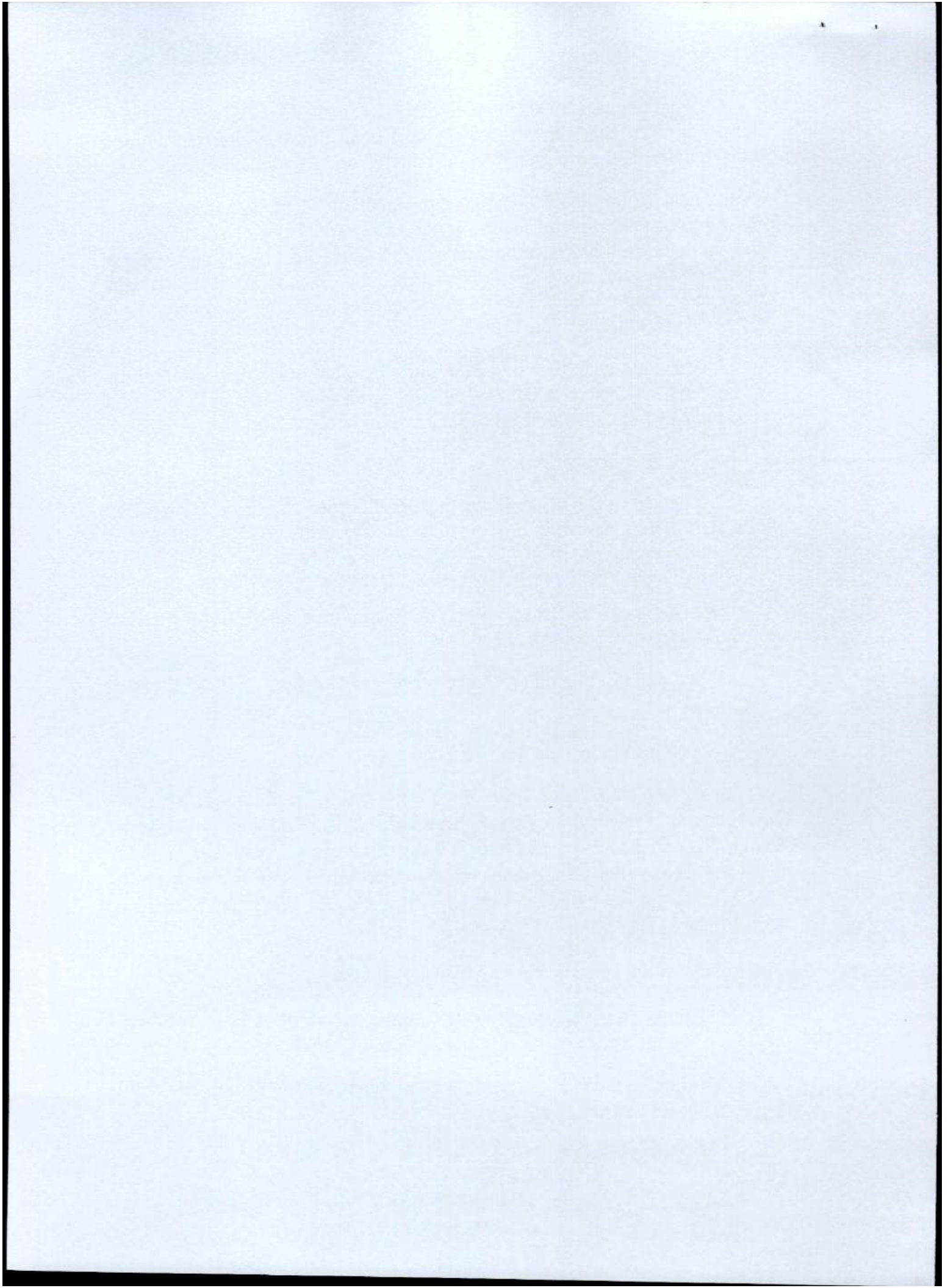
b) Sửa đổi, bổ sung điểm c và d khoản 4 như sau:

“c) Đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử trái phép, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5a Điều này;

d) Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5a Điều này.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:







“5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tổ chức đánh đề sau đây:

- a) Làm chủ lô, đề, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 5a Điều này;
- b) Tổ chức sản xuất, phát hành bảng đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 5a Điều này;
- c) Tổ chức mạng lưới bán số lô, số đề, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 5a Điều này;
- d) Tổ chức cá cược trong hoạt động thi đấu thể dục thể thao, vui chơi giải trí hoặc dưới các hoạt động khác để đánh bạc, ăn tiền, trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản 5a Điều này.”;

d) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 như sau:

“5a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng các mức tiền phạt tương ứng quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại điểm đ khoản 3; các điểm c và d khoản 4; khoản 5 Điều này.”.

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

**“Điều 29. Vi phạm quy định trong việc ban hành, phổ biến và thực hiện nội quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

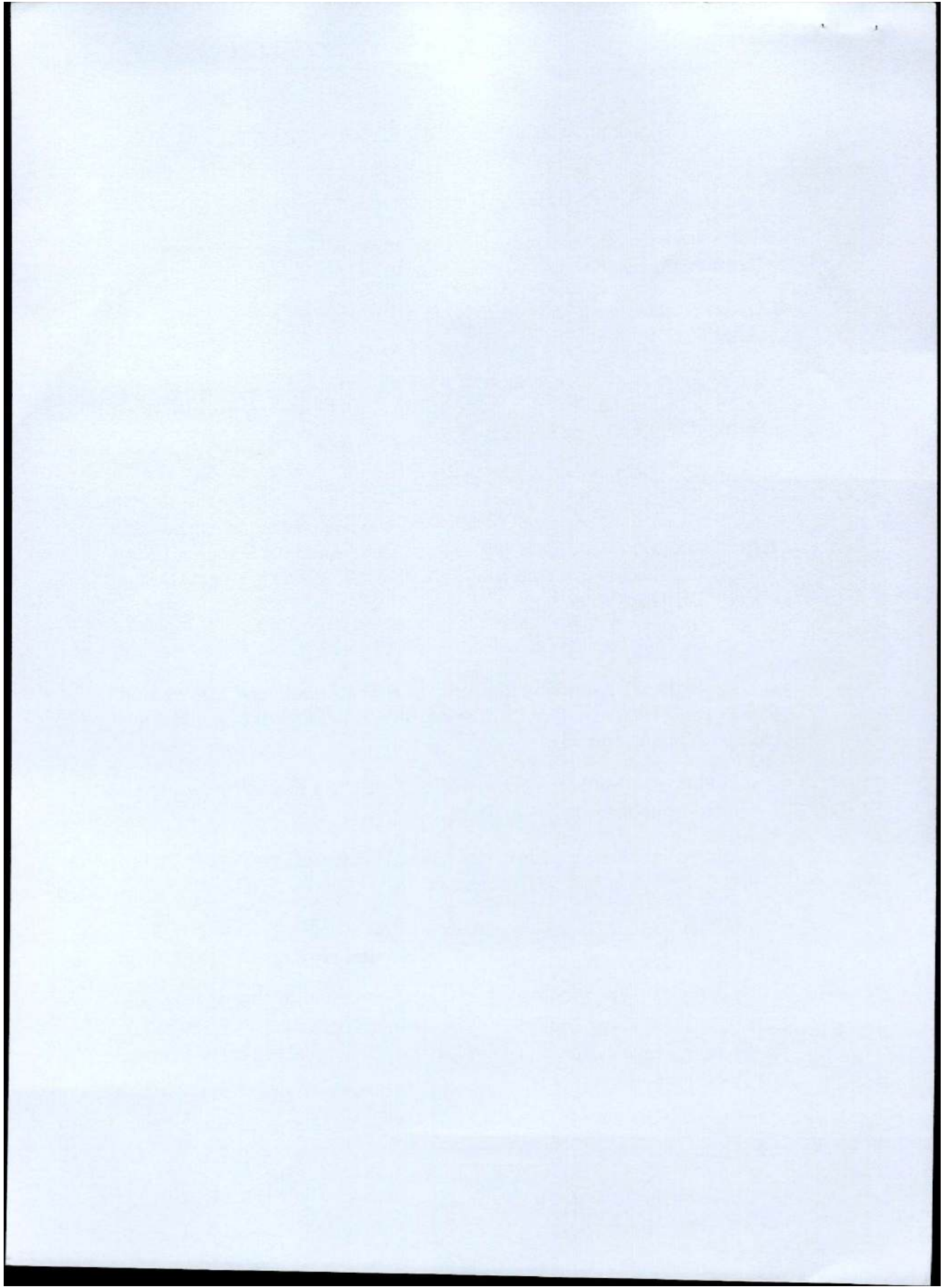
- a) Làm mất tác dụng của nội quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- b) Niêm yết biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ không đúng quy cách, mẫu quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi ban hành nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật hoặc không phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của cơ sở.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không niêm yết nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;







b) Không niêm yết biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; biển cấm, biển cảnh báo tại khu vực, nơi nguy hiểm theo quy định của pháp luật;

c) Không chấp hành nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của người hoặc cơ quan có thẩm quyền;

d) Không phổ biến nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho những người trong phạm vi quản lý.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành hoặc ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nhưng trái với các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước.”.

26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không tổ chức thực hiện văn bản hướng dẫn, chỉ đạo hoặc văn bản yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không xuất trình hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Không bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm làm việc với người có thẩm quyền kiểm tra khi đã nhận được thông báo về việc kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

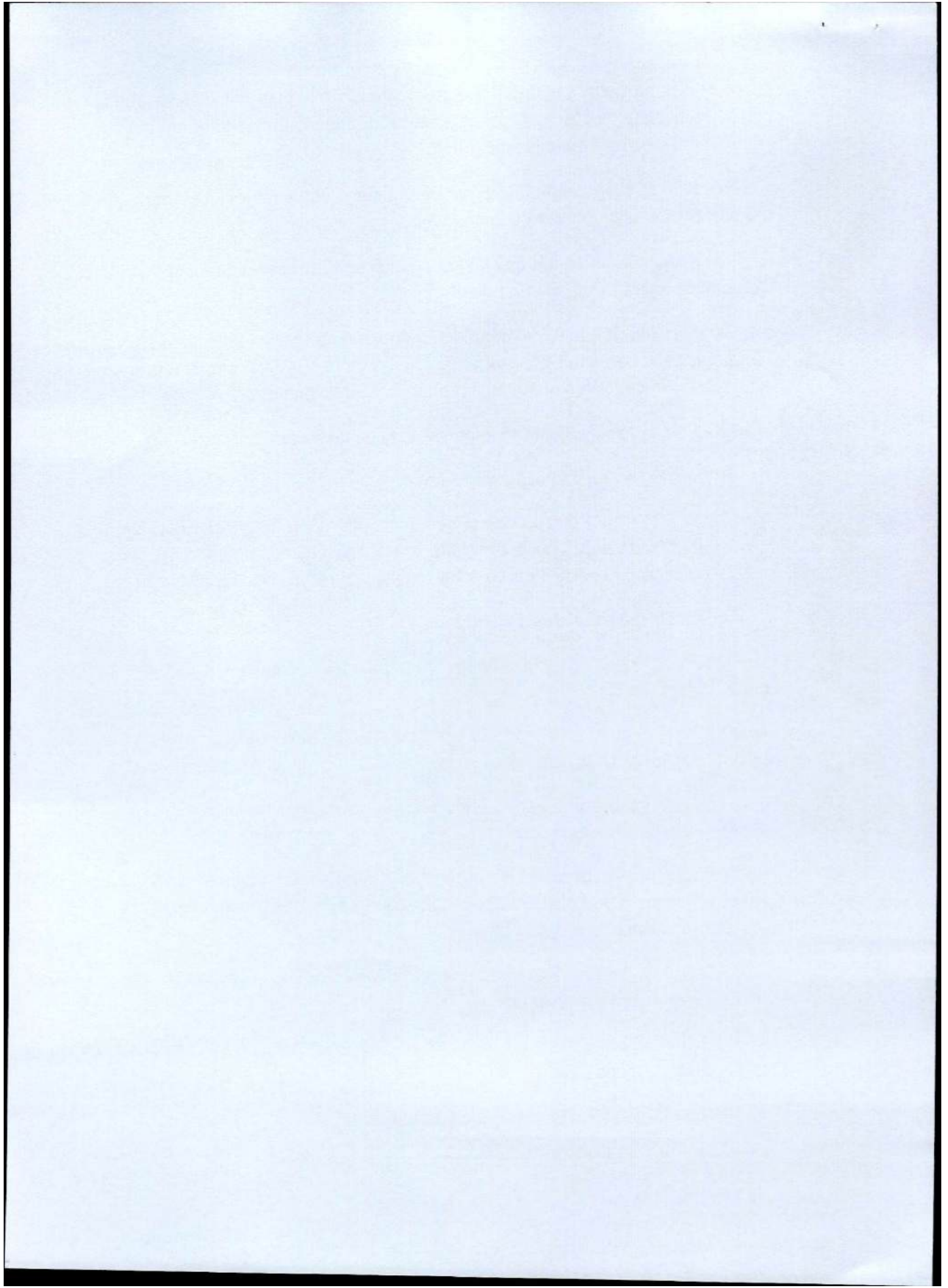
d) Không tự tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

đ) Không gửi báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.”.

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:









“1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không đầy đủ tài liệu trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc không cập nhật, bổ sung hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”.

28. Sửa đổi, bổ sung một số khoản và bổ sung khoản 6a, khoản 6b vào sau khoản 6 Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Bảo quản, bố trí, sắp xếp chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ không đúng nơi quy định hoặc vượt quá số lượng, khối lượng hoặc sắp xếp không bảo đảm khoảng cách, không theo từng nhóm chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật;

b) Không có hoặc không duy trì biện pháp thông gió theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung các khoản 4, 5, 6 như sau:

“4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ, trừ trường hợp quy định tại khoản 6a Điều này.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi mang chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trái phép vào nơi tập trung đông người, trừ trường hợp quy định tại khoản 6a Điều này.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng trái phép chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ, trừ trường hợp quy định tại khoản 6a Điều này.”.

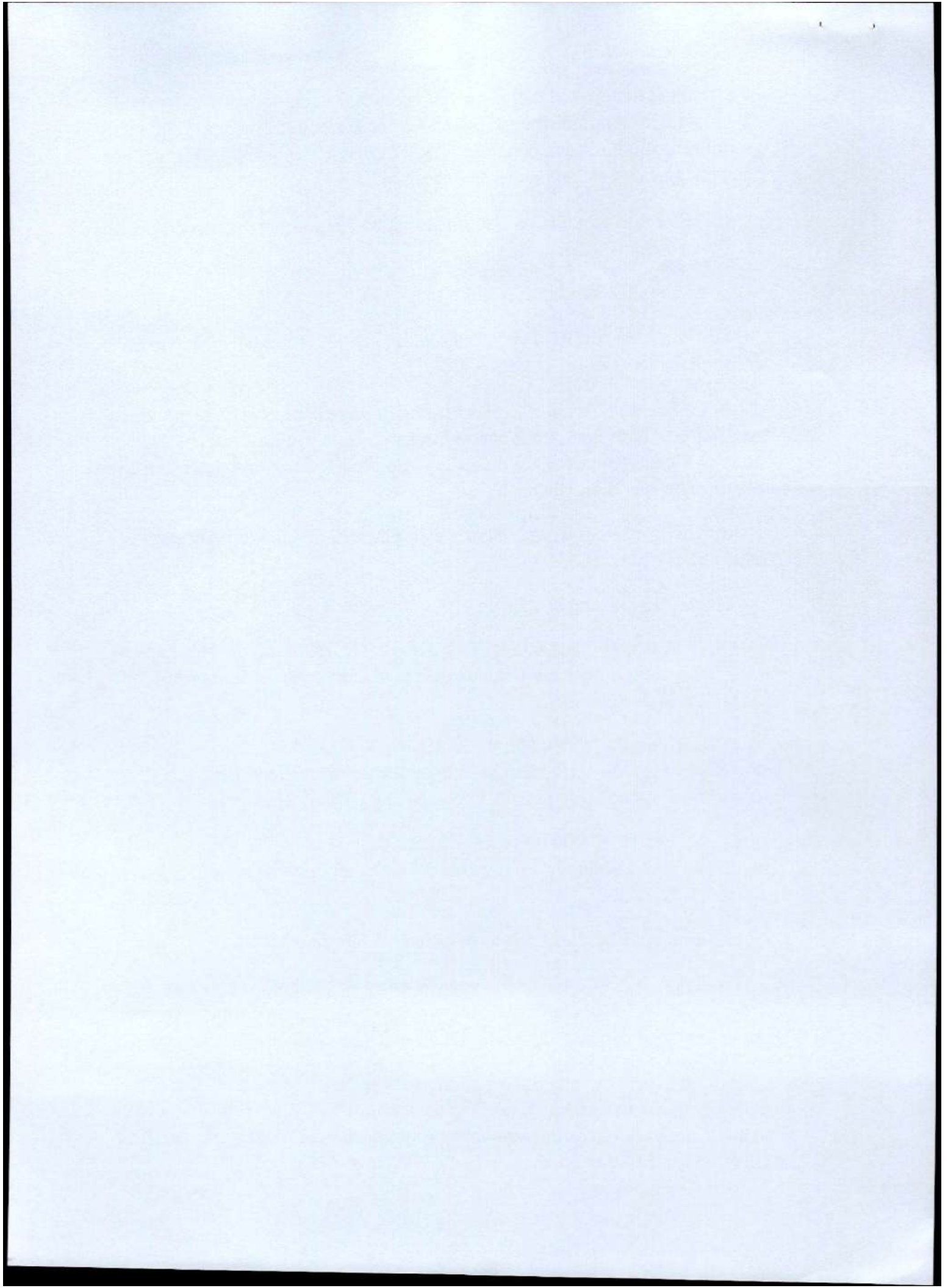
c) Bổ sung khoản 6a và 6b vào sau khoản 6 như sau:

“6a. Trục xuất hoặc phạt tiền bằng các mức tiền phạt tương ứng quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này đối với người nước ngoài thực hiện một trong những hành vi quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này.

6b. Các hành vi vi phạm hành chính trong quản lý, bảo quản và sử dụng chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ là hóa chất được xử lý, xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.”.









29. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 33 như sau:

“a) Không lắp đặt hoặc không duy trì các thiết bị phát hiện, xử lý rò rỉ của các chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ ra môi trường xung quanh;”.

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt mà không đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.”.

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

**“Điều 38. Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp và phương tiện bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong quá trình thi công, xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Thi công không đúng theo thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt của cơ quan có thẩm quyền;

b) Cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình hoặc hoán cải phương tiện giao thông cơ giới khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật;

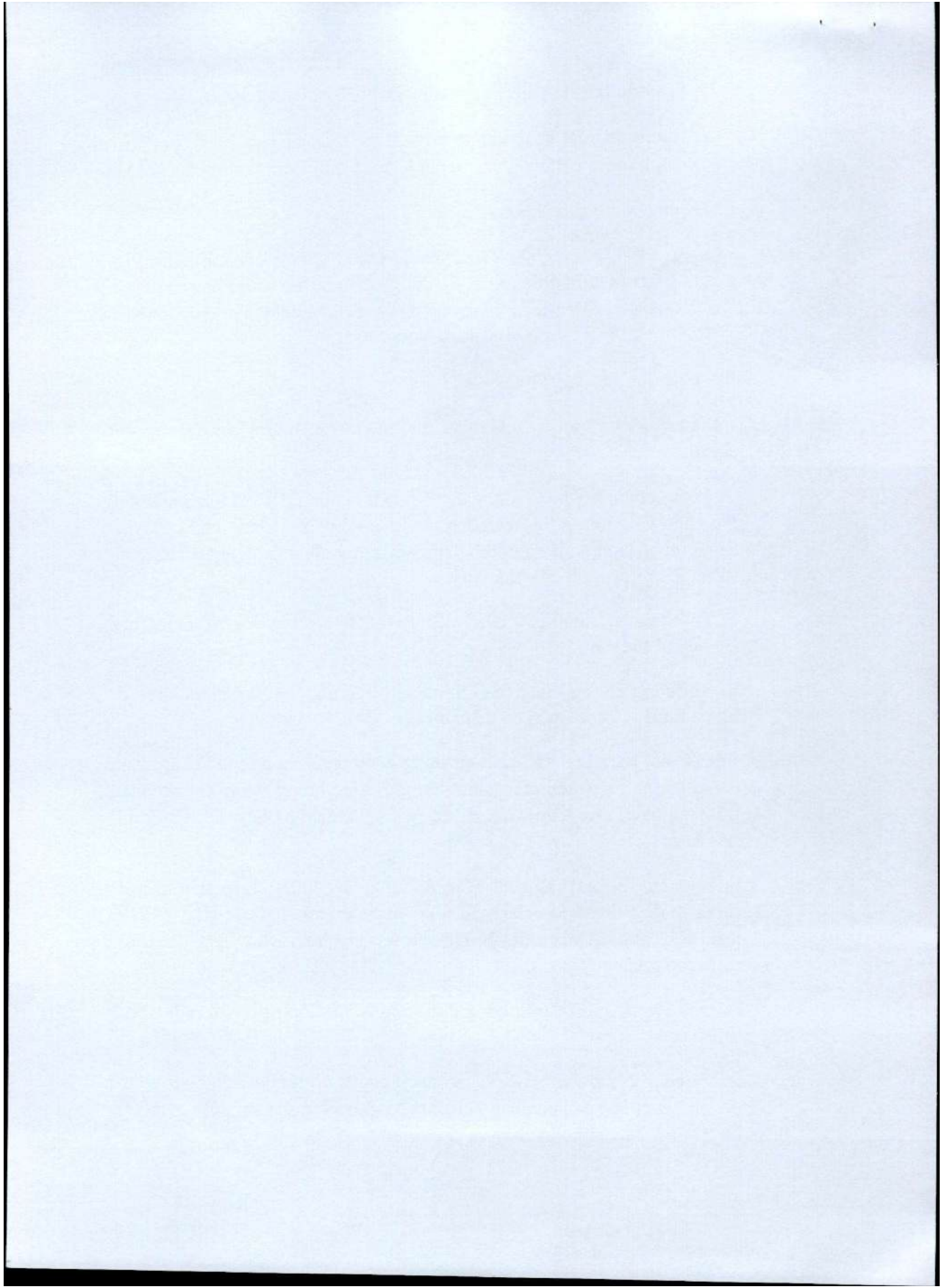
c) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy chứng nhận thẩm duyệt, văn bản thẩm duyệt, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu hoặc giấy tờ khác liên quan đến công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thi công công trình hoặc hạng mục công trình thuộc diện phải thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;









b) Chế tạo phương tiện giao thông cơ giới thuộc diện phải thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đưa hạng mục công trình, công trình, phương tiện giao thông cơ giới vào sử dụng, hoạt động khi chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đưa hạng mục công trình, công trình, phương tiện giao thông cơ giới vào sử dụng, hoạt động khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc thực hiện nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Buộc thực hiện thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

d) Buộc nộp lại giấy chứng nhận thẩm duyệt, văn bản thẩm duyệt, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

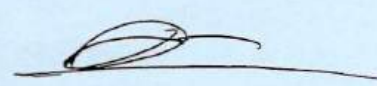
đ) Buộc thi công đúng theo thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt của cơ quan có thẩm quyền hoặc thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với phần công trình xây dựng không đúng với giấy chứng nhận thẩm duyệt hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”.

32. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hóa không bảo đảm khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy và ngăn cháy theo quy định của pháp luật;





b) Không tổ chức vệ sinh công nghiệp theo quy định dẫn đến tạo thành môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Xây, lắp đặt tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy và các giải pháp ngăn cháy khác không bảo đảm yêu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Không có hoặc không duy trì các giải pháp ngăn cháy khác theo quy định của pháp luật trừ các giải pháp về tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không làm hoặc không duy trì tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy theo quy định của pháp luật.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các giải pháp ngăn cháy lan bảo đảm quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.”.

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

**“Điều 40. Vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy**

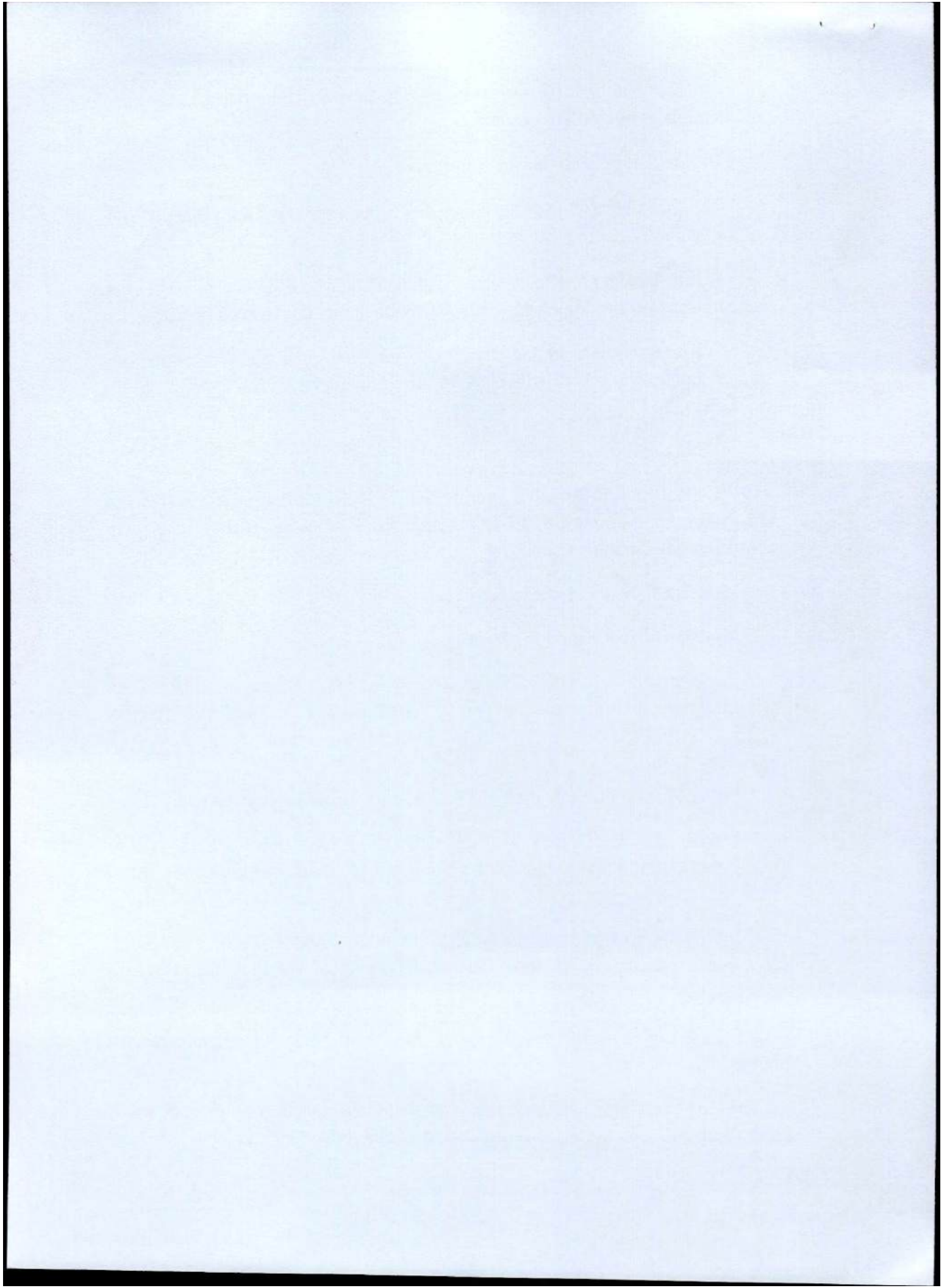
1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi lắp gương trên đường thoát nạn; cửa đi trên đường, lối thoát nạn không mở theo chiều thoát nạn.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông và các vật dụng khác cản trở đường, lối thoát nạn theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cửa thoát nạn, lối thoát nạn, cầu thang thoát nạn, đường thoát nạn không đảm bảo kích thước, số lượng theo quy định của pháp luật;







b) Chèn, giữ cửa thoát nạn để thường mở khi cửa có yêu cầu là loại tự đóng.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Khóa, chặn cửa thoát nạn;

b) Không duy trì việc bảo vệ chống khói cho nhà, công trình theo quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm mất tác dụng của lối, đường thoát nạn;

b) Không có hệ thống bảo vệ chống khói cho nhà, công trình theo quy định của pháp luật.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm b khoản 3, khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này;

b) Buộc thực hiện các giải pháp thoát nạn bảo đảm theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, điểm b khoản 5 Điều này.”.

34. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 41 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Xây dựng phương án chữa cháy không bảo đảm yêu cầu và nội dung theo quy định của pháp luật;

b) Không gửi kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy đến cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Sử dụng phương án chữa cháy chưa được phê duyệt theo quy định của pháp luật.”;

c) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 như sau:





“d) Không bổ sung, chỉnh lý phương án chữa cháy khi có những thay đổi lớn về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy.”;

d) Sửa đổi, bổ sung các điểm a và b khoản 4 như sau:

“a) Không xây dựng phương án chữa cháy;

b) Không tổ chức thực tập phương án chữa cháy định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.”.

35. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm a và đ khoản 2 như sau:

“a) Không kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy và chữa cháy định kỳ;

đ) Làm mất, hỏng hoặc làm mất tác dụng phương tiện chữa cháy thông dụng, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, sơ đồ chỉ dẫn, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy trên lối thoát nạn; chất chữa cháy, thiết bị, dụng cụ thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy.”;

b) Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 như sau:

“g) Không trang bị đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn theo quy định của pháp luật.”;

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm b và c khoản 4 như sau:

“b) Làm mất, hỏng hoặc làm mất tác dụng của phương tiện chữa cháy cơ giới, thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, chữa cháy;

c) Không duy trì chế độ hoạt động thường trực của phương tiện chữa cháy cơ giới, thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, chữa cháy đã được trang bị theo quy định của pháp luật.”.

36. Bổ sung một số khoản của Điều 45 như sau:

a) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 3 như sau:

“đ) Không duy trì các điều kiện của lối vào từ trên cao để phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”;

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không báo cháy, sự cố, tai nạn hoặc ngăn cản, gây cản trở việc thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn.”;



c) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 4 như sau:

“đ) Làm mất tác dụng của lối vào từ trên cao phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”.

37. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 46 như sau:

“b) Sử dụng người chưa được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy hoặc chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đã hết thời hạn làm lực lượng chữa cháy cơ sở, chuyên ngành, người điều khiển, người làm việc, người phục vụ trên phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển hành khách trên 29 chỗ ngồi hoặc trên phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ hoặc làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc các hàng hóa nguy hiểm cháy, nổ hoặc làm nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật;”.

38. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không tổ chức trực tại cơ sở hoặc tại các vị trí yêu cầu có người thường trực theo quy định của pháp luật;

b) Không gửi quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoặc đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành đến cơ quan Công an quản lý địa bàn.”;

b) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 3 như sau:

“đ) Không ban hành quy chế hoạt động của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở theo quy định của pháp luật.”.

39. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 48 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ hành nghề để bảo đảm cho nhiều cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.





b) Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ không bảo đảm nội dung, thời gian theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung các điểm b và d khoản 6 như sau:

“b) Buộc nộp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm c và điểm d khoản 2 Điều này;

d) Buộc nộp lại Chứng chỉ hành nghề, giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với hành vi quy định tại điểm b, c và điểm d khoản 2 Điều này.”.

40. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng cho thành viên gia đình.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng các công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên gia đình;

b) Không kịp thời đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu điều trị trong trường hợp người bị bạo lực gia đình cần được cấp cứu kịp thời hoặc không chăm sóc người bị bạo lực gia đình trong thời gian người bị bạo lực gia đình điều trị chấn thương do hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp người bị bạo lực gia đình từ chối.”;

c) Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 như sau:

“2a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”.

41. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 53 như sau:

“b) Bỏ mặc, không quan tâm, không nuôi dưỡng, không chăm sóc thành viên gia đình là phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi,



người khuyết tật, người già yếu, người cao tuổi, người không có khả năng tự chăm sóc, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em.”.

42. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 54 như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình.”.

43. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

**“Điều 55. Hành vi cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý và bạo lực tinh dục trong hôn nhân gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân hoặc có các quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó;

b) Không cho thành viên gia đình thực hiện quyền làm việc;

c) Không cho thành viên gia đình tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh;

d) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới tính, năng lực của thành viên gia đình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cưỡng ép thành viên gia đình phải chứng kiến bạo lực đối với người, con vật;

b) Cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cưỡng ép thành viên gia đình trình diễn hành vi khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục;

b) Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với thành



viên gia đình;

c) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình.

d) Cường ép hoặc dùng thủ đoạn khác để quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 10 Điều 7.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xin lỗi công khai khi người bị bạo lực gia đình có yêu cầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.”

44. Sửa đổi, bổ sung Điều 58 như sau:

**“Điều 58. Hành vi bạo lực về kinh tế**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chiếm đoạt tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

b) Hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

c) Ép buộc thành viên gia đình lao động quá sức hoặc làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại hoặc làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động;

d) Ép buộc thành viên gia đình đi ăn xin hoặc lang thang kiếm sống;

đ) Cường ép thành viên gia đình đóng góp tài chính quá khả năng của họ;

e) Kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trừ trường hợp tài sản không thể khôi phục được tình trạng ban đầu;

b) Buộc trả lại tài sản do chiếm giữ trái phép hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tài sản có được do chiếm giữ trái phép đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật cho chủ sở hữu hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, đ và e khoản 1 Điều này.”





45. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

**“Điều 59. Hành vi cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa bằng bạo lực để cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp.”.

46. Sửa đổi, bổ sung Điều 61 như sau:

**“Điều 61. Hành vi kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cưỡng ép người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.”.

47. Sửa đổi, bổ sung Điều 62 như sau:

**“Điều 62. Vi phạm quy định về ngăn chặn, báo tin, tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

1. Biết hành vi bạo lực gia đình, có điều kiện ngăn chặn mà không ngăn chặn.
2. Biết hành vi bạo lực gia đình mà không báo tin cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.
3. Cản trở người khác phát hiện, khai báo hành vi bạo lực gia đình.
4. Dung túng, bao che cho người có hành vi bạo lực gia đình.
5. Không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.
6. Không thực hiện công việc phục vụ cộng đồng theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực





gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình.

7. Không bố trí nhân sự trực Tổng đài 24 giờ tất cả các ngày để tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.

8. Không thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quy trình, quy định tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình qua Tổng đài.”.

48. Sửa đổi, bổ sung Điều 63 như sau:

**“Điều 63. Hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình.”.

49. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:

**“Điều 64. Vi phạm quy định về tiết lộ, phát tán thông tin về người bị bạo lực gia đình, người báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình và công khai bảng giá dịch vụ đối với cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình có thu phí**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với nhân viên y tế, nhân viên tư vấn trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình có một trong những hành vi sau đây:

a) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của người bị bạo lực gia đình mà không được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình;

b) Cố ý tiết lộ hoặc tạo điều kiện cho người có hành vi bạo lực biết nơi tạm lánh của người bị bạo lực gia đình;

c) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về người báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình mà không được sự đồng ý của người báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không công khai bảng giá dịch vụ đối với cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình có thu phí các dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.”.

50. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 như sau:





**“Điều 67. Vi phạm quy định về cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cố tình đến gần người bị bạo lực gia đình trong phạm vi 100m mà không có tường ngăn hoặc vách ngăn bảo đảm an toàn trong thời gian thi hành quyết định cấm tiếp xúc.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng điện thoại, thư điện tử hoặc phương tiện, công cụ khác để thực hiện hành vi bạo lực gia đình với người không được tiếp xúc.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.”

51. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 70 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Phạt tiền đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 400.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; đến 7.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:





“b) Phạt tiền đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

“b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; đến 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”.

52. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 71 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 3.750.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 7.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”;



d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Phạt tiền đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Phạt tiền đến 12.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 22.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

“b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”;

g) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:

“b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”.

53. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 72 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính



trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đến 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;”.

54. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 76 như sau:

“Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do các chức danh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do các chức danh quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính thành lập, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.

55. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 78 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 11a và 11b, khoản 2 Điều 14, các Điều 15, 17, 18, 19 và 21, các Điều tại Mục 2 Chương II Nghị định này, điểm a khoản 1, các điểm a, b khoản 3 Điều 29, các Điều 30, 32, 33, 34, 35, 45 và các Điều tại Mục 4 Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 70 Nghị định này trong phạm vi, lĩnh vực quản lý, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn được giao.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 1, điểm đ khoản 2, điểm c khoản 3, điểm d khoản 4, các điểm a và c khoản 5 Điều 7; điểm a khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2, các điểm b và d khoản 4 Điều 10; các Điều 11, 11a, 11b; các điểm a, b và đ khoản 1, các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 20; Điều 21; các Điều tại Mục 2 Chương II và Điều 34 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 71 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn trên vùng biển được giao.”;





c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Người có thẩm quyền xử phạt của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm c và đ khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 7; các Điều 11, 11a, 11b, các điểm b, d, đ, k và n khoản 3, các điểm a, c, d và e khoản 4 Điều 12, các Điều 18, 21 và 23 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 72 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 7, 24, 25, 26, 27 và các Điều tại Mục 4 Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 76 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau:

“13. Người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 11 và Điều 20 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 75 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

56. Bổ sung Điều 78a vào sau Điều 78 như sau:

**“Điều 78a. Các chức danh Trưởng phòng nghiệp vụ của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ gồm: Trưởng phòng Bảo vệ nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước Trung ương; Trưởng phòng An ninh các cơ quan tư pháp, xây dựng pháp luật, tổ chức chính trị - xã hội Trung ương; Trưởng phòng An ninh báo chí, xuất bản; Trưởng phòng An ninh y tế, giáo dục; Trưởng phòng An ninh văn hóa, thể thao và lao động xã hội; Trưởng phòng An ninh bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; Trưởng phòng Quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề





đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con đường; Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Trường phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trường phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông; Trường phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện; Trường phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông; Trường phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt; Trường phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn; Trường phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa; Thủy đoàn trưởng.

4. Trường phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trường phòng Công tác phòng cháy; Trường phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy; Trường phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trường phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

5. Trường phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trường phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; Trường phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự xã hội; Trường phòng An ninh thông tin mạng; Trường phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia; Trường phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia.

6. Trường phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trường phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài; Trường phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

7. Chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong Công an nhân dân được quy định tại khoản 2 Điều 76 là Chánh Thanh tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”.

**Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Bổ sung cụm từ “và các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt” vào sau cụm từ “Chánh Thanh tra Sở” tại khoản 2 Điều 76.





2. Thay thế cụm từ “phòng cháy và chữa cháy” bằng cụm từ “phòng cháy, chữa cháy” tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 69; thay thế cụm từ “nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự” bằng cụm từ “nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” tại điểm a khoản 4 Điều 19; thay thế cụm từ “nạn nhân” bằng cụm từ “người bị bạo lực gia đình” tại điểm a khoản 3 Điều 52, khoản 2 Điều 53, điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 54, Điều 60, Điều 66.

3. Bãi bỏ Điều 6, điểm b khoản 5, điểm d khoản 13 Điều 7, điểm a khoản 5, điểm c và d khoản 6 Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 13, điểm b khoản 3 Điều 15, điểm b khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 4 Điều 20, điểm g khoản 5, khoản 6, khoản 7, điểm d khoản 8, khoản 9 Điều 23, điểm b khoản 3 Điều 25, điểm b khoản 3 Điều 27, điểm c khoản 6 Điều 28, điểm b khoản 7 Điều 32, điểm d khoản 3, điểm c khoản 5 Điều 34, Điều 42, khoản 2 Điều 45, điểm c khoản 3 Điều 47, điểm b khoản 6 Điều 48, khoản 3 Điều 79.

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Điều khoản chuyên tiếp:

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình xảy ra và kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý.

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình xảy ra trước thời điểm Nghị định này có





hiệu lực nhưng chưa kết thúc khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Nghị định này bãi bỏ các Điều 18, 19, 21, 22, 23 của Nghị định số 88-CP ngày 14/12/1995 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và phòng chống một số tệ nạn xã hội./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b).

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính